

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
TRƯỜNG TIỂU HỌC GIỒNG ÔNG TỐ

## **BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2022

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC**  
**TRƯỜNG TIỂU HỌC GIỒNG ÔNG TỐ**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ**  
**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

| <b>TT</b> | <b>Họ và tên</b>      | <b>Chức danh, chức vụ</b> | <b>Nhiệm vụ</b>       | <b>Chữ ký</b> |
|-----------|-----------------------|---------------------------|-----------------------|---------------|
| 1         | Trần Thị Ngọc Diễm    | Hiệu trưởng               | Chủ tịch Hội đồng     |               |
| 2         | Nguyễn Hoàng Phong    | Phó Hiệu trưởng           | Phó Chủ tịch Hội đồng |               |
| 3         | Nguyễn Đăng Quỳnh Như | Phó Hiệu trưởng           | Phó Chủ tịch Hội đồng |               |
| 4         | Dương Thị Trúc Tâm    | Thư ký Hội đồng sư phạm   | Thư ký Hội đồng       |               |
| 5         | Vũ Đình Thanh Xuân    | Chủ tịch Công đoàn        | Ủy viên Hội đồng      |               |
| 6         | Lê Minh Tú            | Tổng phụ trách Đội        | Ủy viên Hội đồng      |               |
| 7         | Phạm Thùy Minh Đan    | Bí thư Chi đoàn           | Ủy viên Hội đồng      |               |
| 8         | Nguyễn Thị Thu Vân    | Tổ trưởng khối 1          | Ủy viên Hội đồng      |               |
| 9         | Vũ Bích Ngọc          | Tổ trưởng khối 2          | Ủy viên Hội đồng      |               |
| 10        | Lê Thị Hồng Xuân      | Tổ trưởng khối 3          | Ủy viên Hội đồng      |               |
| 11        | Nguyễn Văn Liêm       | Tổ trưởng khối 4          | Ủy viên Hội đồng      |               |
| 12        | Vũ Quý Nam            | Tổ trưởng khối 5          | Ủy viên Hội đồng      |               |
| 13        | Đặng Thị Hồng Hảo     | Tổ trưởng Tiếng Anh       | Ủy viên Hội đồng      |               |
| 14        | Võ Thị Hồng An        | Tổ trưởng Văn phòng       | Ủy viên Hội đồng      |               |
| 15        | Nguyễn Thị Kim Khanh  | Nhân viên Kế toán         | Ủy viên Hội đồng      |               |

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2022

## MỤC LỤC

| <b>NỘI DUNG</b>                                                                               | <b>Trang</b> |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| Mục lục                                                                                       | 1            |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá                                                             | 3            |
| <b>Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU</b>                                                                  | 4            |
| <b>Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>                                                                   | 9            |
| <b>A. ĐẶT VẤN ĐỀ</b>                                                                          | 9            |
| <b>B. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>                                                                         | 12           |
| <b>Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường</b>                                            | 12           |
| Mở đầu                                                                                        | 13           |
| Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường                      | 13           |
| Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác | 15           |
| Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường   | 17           |
| Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng                     | 21           |
| Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học                                                     | 24           |
| Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản                                        | 25           |
| Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên                                          | 28           |
| Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục                                                  | 30           |
| Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở                                                 | 31           |
| Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học                                    | 33           |
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>                                                               | 36           |
| <b>Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh</b>                         | 37           |
| Mở đầu                                                                                        | 37           |
| Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng                                            | 37           |
| Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên                                                               | 40           |
| Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên                                                               | 43           |
| Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh                                                                | 45           |
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>                                                               | 47           |
| <b>Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học</b>                                       | 48           |
| Mở đầu                                                                                        | 48           |
| Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập                                                   | 48           |

|                                                                                                              |    |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Tiêu chí 3.2: Phòng học                                                                                      | 50 |
| Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị                                 | 52 |
| Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước                                                           | 55 |
| Tiêu chí 3.5: Thiết bị                                                                                       | 56 |
| Tiêu chí 3.6: Thư viện                                                                                       | 59 |
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>                                                                              | 61 |
| <b>Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội</b>                                             | 61 |
| Mở đầu                                                                                                       | 61 |
| Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh                                                                   | 62 |
| Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường | 64 |
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>                                                                              | 67 |
| <b>Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục</b>                                                  | 67 |
| Mở đầu                                                                                                       | 67 |
| Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường                                                               | 68 |
| Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học                                         | 70 |
| Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác                                                          | 72 |
| Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học                                                             | 74 |
| Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục                                                                               | 76 |
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>                                                                              | 78 |
| <b>Phần III. KẾT LUẬN CHUNG</b>                                                                              | 78 |
| <b>Phần IV. PHỤ LỤC</b>                                                                                      | 1  |

## TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

### 1. Kết quả đánh giá

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Kết quả   |       |       |       |
|-------------------------|-----------|-------|-------|-------|
|                         | Không đạt | Đạt   |       |       |
|                         |           | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 |
| <b>Tiêu chuẩn 1</b>     |           |       |       |       |
| Tiêu chí 1.1            |           | X     | X     |       |
| Tiêu chí 1.2            |           | X     | X     |       |
| Tiêu chí 1.3            |           | X     | X     |       |
| Tiêu chí 1.4            |           | X     | X     | X     |
| Tiêu chí 1.5            |           | X     |       |       |
| Tiêu chí 1.6            |           | X     | X     |       |
| Tiêu chí 1.7            |           | X     |       |       |
| Tiêu chí 1.8            |           | X     | X     |       |
| Tiêu chí 1.9            |           | X     | X     |       |
| Tiêu chí 1.10           |           | X     | X     |       |
| <b>Tiêu chuẩn 2</b>     |           |       |       |       |
| Tiêu chí 2.1            |           | X     | X     | X     |
| Tiêu chí 2.2            |           | X     | X     |       |
| Tiêu chí 2.3            |           | X     | X     |       |
| Tiêu chí 2.4            |           | X     | X     | X     |
| <b>Tiêu chuẩn 3</b>     |           |       |       |       |
| Tiêu chí 3.1            |           | X     |       |       |
| Tiêu chí 3.2            |           | X     |       |       |
| Tiêu chí 3.3            |           | X     | X     | X     |
| Tiêu chí 3.4            |           | X     | X     |       |
| Tiêu chí 3.5            |           | X     | X     | X     |
| Tiêu chí 3.6            |           | X     | X     | X     |
| <b>Tiêu chuẩn 4</b>     |           |       |       |       |
| Tiêu chí 4.1            |           | X     | X     | X     |
| Tiêu chí 4.1            |           | X     | X     | X     |
| <b>Tiêu chuẩn 5</b>     |           |       |       |       |
| Tiêu chí 5.1            |           | X     | X     |       |
| Tiêu chí 5.2            |           | X     | X     | X     |
| Tiêu chí 5.3            |           | X     | X     | X     |
| Tiêu chí 5.4            |           | X     | X     | X     |
| Tiêu chí 5.5            |           | X     | X     | X     |

**Kết quả:** Đạt Mức 1.

**2. Kết luận:** Trường đạt Mức 1.

## Phần I CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Tiểu học Giồng Ông Tố

Tên trước đây: Trường Tiểu học Giồng Ông Tố

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức

|                                      |                |
|--------------------------------------|----------------|
| Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương | Hồ Chí Minh    |
| Huyện/quận/thị xã/thành phố          | Thủ Đức        |
| Xã/phường/thị trấn                   | Bình Trưng Tây |
| Đạt chuẩn quốc gia                   | Không          |
| Năm thành lập trường                 | 1995           |
| Công lập                             | Có             |
| Tư thục                              | Không          |
| Trường chuyên biệt                   | Không          |
| Trường liên kết với nước ngoài       | Không          |

|                              |                                                                               |
|------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|
| Họ và tên hiệu trưởng        | Trần Thị Ngọc Diễm                                                            |
| Điện thoại                   | (028) 37431218                                                                |
| Fax                          | Không                                                                         |
| Website                      | <a href="https://thgiongongto.hcm.edu.vn">https://thgiongongto.hcm.edu.vn</a> |
| Số điểm trường               | 01 điểm trường chính                                                          |
| Loại hình khác               | Không                                                                         |
| Thuộc vùng khó khăn          | Không                                                                         |
| Thuộc vùng đặc biệt khó khăn | Không                                                                         |
|                              |                                                                               |

### 1. Số lớp học

| Số lớp học  | Năm học 2016-2017 | Năm học 2017-2018 | Năm học 2018-2019 | Năm học 2019-2020 | Năm học 2020-2021 |
|-------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| Khối lớp 1  | 08                | 11                | 12                | 09                | 09                |
| Khối lớp 2  | 09                | 08                | 11                | 12                | 09                |
| Khối lớp 3  | 09                | 09                | 08                | 11                | 12                |
| Khối lớp 4  | 09                | 09                | 09                | 08                | 11                |
| Khối lớp 5  | 11                | 09                | 09                | 09                | 08                |
| <b>Cộng</b> | <b>46</b>         | <b>46</b>         | <b>49</b>         | <b>49</b>         | <b>49</b>         |

## 2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

| TT        | Số liệu                                                         | Năm học<br>2016-<br>2017 | Năm học<br>2017-<br>2018 | Năm học<br>2018-<br>2019 | Năm học<br>2019-<br>2020 | Năm học<br>2020-<br>2021 | Ghi chú |
|-----------|-----------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|---------|
| <b>I</b>  | Phòng học,<br>phòng học<br>bộ môn và<br>khối phục<br>vụ học tập | 57                       | 57                       | 61                       | 61                       | 61                       |         |
| 1         | Phòng học                                                       | 46                       | 46                       | 49                       | 49                       | 49                       |         |
| a         | Phòng kiên<br>cố                                                | 46                       | 46                       | 49                       | 49                       | 49                       |         |
| b         | Phòng bán<br>kiên cố                                            | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       |         |
| c         | Phòng tạm                                                       | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       |         |
| 2         | Phòng học<br>bộ môn                                             | 04                       | 04                       | 05                       | 05                       | 05                       |         |
| a         | Phòng kiên<br>cố                                                | 04                       | 04                       | 05                       | 05                       | 05                       |         |
| b         | Phòng bán<br>kiên cố                                            | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       |         |
| c         | Phòng tạm                                                       | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       |         |
| 3         | Khối phục<br>vụ học tập                                         | 07                       | 07                       | 07                       | 07                       | 07                       |         |
| a         | Phòng kiên<br>cố                                                | 07                       | 07                       | 07                       | 07                       | 07                       |         |
| b         | Phòng bán<br>kiên cố                                            | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       |         |
| c         | Phòng tạm                                                       | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       |         |
| <b>II</b> | Khối phòng<br>hành chính -<br>quản trị                          | 08                       | 08                       | 08                       | 08                       | 08                       |         |
| 1         | Phòng kiên<br>cố                                                | 08                       | 08                       | 08                       | 08                       | 08                       |         |
| 2         | Phòng bán<br>kiên cố                                            | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       |         |

|            |                                           |           |           |           |           |           |                                                   |
|------------|-------------------------------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|---------------------------------------------------|
| 3          | Phòng tạm                                 | 00        | 00        | 00        | 00        | 00        |                                                   |
| <b>III</b> | Thư viện                                  | 01        | 01        | 01        | 01        | 01        |                                                   |
| <b>IV</b>  | Các công trình, khối phòng chức năng khác | 03        | 03        | 03        | 03        | 04        |                                                   |
|            | <b>Cộng</b>                               | <b>69</b> | <b>69</b> | <b>73</b> | <b>73</b> | <b>74</b> | Xây mới kho, bếp bán trú; chuyển đổi 02 phòng học |

### 3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: tháng 01 năm 2022

|                 | Tổng số   | Nữ        | Dân tộc   | Trình độ đào tạo |           |            | Ghi chú |
|-----------------|-----------|-----------|-----------|------------------|-----------|------------|---------|
|                 |           |           |           | Chưa đạt chuẩn   | Đạt chuẩn | Trên chuẩn |         |
| Hiệu trưởng     | 01        | 01        | 00        | 00               | 00        | 01         |         |
| Phó hiệu trưởng | 02        | 01        | 00        | 00               | 00        | 02         |         |
| Giáo viên       | 70        | 62        | 01        | 05               | 64        | 01         |         |
| Nhân viên       | 09        | 06        | 00        | 04               | 05        | 00         |         |
| <b>Cộng</b>     | <b>82</b> | <b>70</b> | <b>01</b> | <b>09</b>        | <b>69</b> | <b>04</b>  |         |

b) Số liệu của 05 năm học gần đây

| TT | Số liệu                                                       | Năm học 2016-2017 | Năm học 2017-2018 | Năm học 2018-2019 | Năm học 2019-2020 | Năm học 2020-2021 |
|----|---------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| 1  | Tổng số giáo viên                                             | 74                | 73                | 71                | 71                | 72                |
| 2  | Tỷ lệ giáo viên/lớp                                           | 74/46<br>= 1,61   | 73/46<br>= 1,59   | 71/49<br>= 1,44   | 71/49<br>= 1,44   | 72/49<br>= 1,46   |
| 3  | Tỷ lệ giáo viên/học sinh                                      | 74/1833<br>= 0,04 | 73/1902<br>= 0,04 | 71/2083<br>= 0,03 | 71/2110<br>= 0,03 | 72/2127<br>= 0,03 |
| 4  | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên | 12                | 12                | 09                | 10                | 10                |



|   |                                                                         |    |    |    |    |    |
|---|-------------------------------------------------------------------------|----|----|----|----|----|
| 5 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên                             | 01 | 01 | 00 | 03 | 00 |
| 6 | Tổng số giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên | 05 | 00 | 05 | 00 | 04 |

#### 4. Học sinh

##### a) Số liệu chung

| TT | Số liệu                                 | Năm học 2016-2017 | Năm học 2017-2018 | Năm học 2018-2019 | Năm học 2019-2020 | Năm học 2020-2021 | Ghi chú |
|----|-----------------------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|---------|
| 1  | Tổng số học sinh                        | 1833              | 1902              | 2083              | 2110              | 2127              |         |
|    | - Nữ                                    | 858               | 893               | 1003              | 1043              | 1071              |         |
|    | - Dân tộc thiểu số                      | 16                | 18                | 12                | 22                | 19                |         |
|    | - Khối lớp 1                            | 317               | 463               | 540               | 423               | 408               |         |
|    | - Khối lớp 2                            | 359               | 320               | 459               | 530               | 413               |         |
|    | - Khối lớp 3                            | 387               | 377               | 310               | 460               | 528               |         |
|    | - Khối lớp 4                            | 348               | 395               | 378               | 316               | 467               |         |
|    | - Khối lớp 5                            | 422               | 347               | 396               | 381               | 311               |         |
| 2  | Tổng số tuyển mới                       | 318               | 460               | 536               | 415               | 406               |         |
| 3  | Học 2 buổi/ngày                         | 1833              | 1902              | 2083              | 2110              | 2127              |         |
| 4  | Bán trú                                 | 1662              | 1733              | 1930              | 1993              | 2003              |         |
| 5  | Nội trú                                 | 00                | 00                | 00                | 00                | 00                |         |
| 6  | Bình quân số học sinh/lớp học           | 1833/46<br>= 40   | 1902/46<br>= 41   | 2083/49<br>= 43   | 2110/49<br>= 43   | 2127/49<br>= 43   |         |
| 7  | Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi | 100%              | 100%              | 100%              | 99,98%            | 99,51%            |         |
|    | - Nữ                                    | 858               | 893               | 1003              | 1043              | 1071              |         |
|    | - Dân tộc                               | 16                | 18                | 12                | 22                | 19                |         |
| 8  | Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh    | 01                | 01                | 10                | 00                | 00                |         |
| 9  | Tổng số học sinh giỏi quốc gia          | 01                | 01                | 02                | 01                | 01                |         |

|    |                                                 |    |    |    |    |    |  |
|----|-------------------------------------------------|----|----|----|----|----|--|
| 10 | Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách     | 02 | 03 | 03 | 03 | 03 |  |
|    | - <i>Nữ</i>                                     | 01 | 02 | 01 | 01 | 01 |  |
|    | - <i>Dân tộc</i>                                | 01 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| 11 | Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt | 31 | 32 | 35 | 34 | 36 |  |
| 12 | Học sinh khuyết tật học hòa nhập                | 19 | 18 | 20 | 23 | 18 |  |

## b) Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và kết quả giáo dục

| Số liệu                                                           | Năm học 2016-2017 | Năm học 2017-2018 | Năm học 2018-2019 | Năm học 2019-2020 | Năm học 2020-2021 | Ghi chú |
|-------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|---------|
| Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 | 100%              | 100%              | 100%              | 100%              | 100%              |         |
| Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học                    | 99,9%             | 99,9%             | 99,5%             | 99,5%             | 99,6%             |         |
| Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học           | 100%              | 100%              | 100%              | 100%              | 100%              |         |
| Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học         | 100%              | 100%              | 100%              | 100%              | 100%              |         |

## **Phần II**

### **TỰ ĐÁNH GIÁ**

#### **A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

##### **1. Tình hình chung của nhà trường**

Trường Tiểu học Giồng Ông Tố được thành lập theo Quyết định số 699/QĐ-UB ngày 05 tháng 8 năm 1995 của Ủy ban nhân dân huyện Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; tọa lạc tại số 256B Nguyễn Duy Trinh, khu phố 1, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến tháng 7 năm 2010, trường được chuyển về địa chỉ số 159, đường số 6, khu phố 4, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 12168,8 m<sup>2</sup>.

Nhà trường hoạt động mang tính toàn diện: xây dựng môi trường sư phạm dân chủ, lành mạnh, an toàn, đoàn kết và thân thiện; thực hiện tốt việc quản lý theo hướng mở; phát triển cơ sở vật chất, khơi nguồn sức sáng tạo của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh theo mô hình Trường học mới; học sinh được thực hành, trải nghiệm trong và ngoài lớp học; tập trung phát triển các năng lực và phẩm chất từng học sinh; tạo được uy tín nơi cha mẹ học sinh, có vị trí nhất định trong xã hội; góp phần đào tạo cho xã hội những công dân thực sự năng động, tự tin, tự học, tự chủ. Chất lượng giáo dục của nhà trường ngày một nâng cao, tạo được niềm tin trong nhân dân. Nhiều năm liền, nhà trường được công nhận Tập thể lao động xuất sắc; các đoàn thể được xếp loại vững mạnh, xuất sắc. Năm 2013, nhà trường vinh dự được nhận Huân chương Lao động hạng Ba của Chủ tịch nước. Năm 2019, chi bộ đạt “Trong sạch, vững mạnh tiêu biểu” và tập thể nhà trường được nhận Cờ thi đua Thành phố Hồ Chí Minh.

##### **2. Mục đích tự đánh giá**

Trường Tiểu học Giồng Ông Tố tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục nhằm tự nhìn lại mình để xác định vị trí thực sự của nhà trường trong hệ thống giáo dục của Thành phố Hồ Chí Minh nói chung và thành phố Thủ Đức nói riêng. Từ đó, nhà trường có kế hoạch từng bước cải tiến về cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng giáo dục, từng bước khẳng định thương hiệu; là minh chứng để các cơ quan chức năng và toàn thể

xã hội công nhận trường tiểu học đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục Cấp độ 1.

### **3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá**

3.1. Nhà trường thực hiện tự đánh giá theo “Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên” kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học:

- Kế hoạch tự đánh giá của nhà trường được xây dựng bao gồm các nội dung: mục đích và phạm vi tự đánh giá; phân công nhiệm vụ cho từng thành viên; dự kiến các nguồn lực và thời điểm cần huy động; công cụ đánh giá; dự kiến các thông tin và minh chứng cần thu thập cho từng tiêu chí; thời gian biểu cho từng hoạt động.

- Căn cứ vào các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, hiệu trưởng phân công các nhóm tiến hành thu thập minh chứng nhưng phải có nguồn gốc rõ ràng, chính xác, được thu thập ở hồ sơ lưu trữ của nhà trường và các cơ quan, ban ngành có liên quan đến hoạt động của đơn vị. Các minh chứng được xử lý, phân tích dùng làm căn cứ, minh họa cho các nhận định trong báo cáo tự đánh giá của nhà trường. Phiếu đánh giá tiêu chí được lập cho từng tiêu chí làm cơ sở để tổng hợp thành báo cáo tự đánh giá.

- Trong quá trình tự đánh giá, Hội đồng tự đánh giá của nhà trường đã đổi chiều nhiệm vụ thực hiện với từng tiêu chí đặt ra, đồng thời thu thập thêm các ý kiến đóng góp từ tập thể sư phạm. Từ đó, nhà trường xác định được những mặt thực hiện tốt và những điểm còn hạn chế theo từng tiêu chí. Trong những năm học tiếp theo, nhà trường sẽ đề ra kế hoạch cải tiến chất lượng nhằm phát huy điểm mạnh và khắc phục những hạn chế ở từng tiêu chí để đáp ứng các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục, xây dựng nhà trường chuẩn hóa, ngày càng hiện đại và hội nhập quốc tế.

#### **3.2. Tiến độ thực hiện:**

Tuần 1 (từ ngày 08 tháng 11 năm 2021 đến ngày 12 tháng 11 năm 2021):

- Nhà trường tổ chức họp liên tịch để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định nhiệm vụ của từng thành viên của Hội đồng tự đánh giá.

- Hiệu trưởng ban hành Quyết định số 48/QĐ-GOT ngày 10 tháng 11 năm 2021 về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá gồm 15 thành viên theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 22 tháng 8 năm 2018 ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học.

- Hội đồng tự đánh giá:

- + Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá.

- + Phân công nhiệm vụ cụ thể từng thành viên Hội đồng, các nhóm công tác và cá nhân trong nhà trường.

- + Thảo luận, xây dựng kế hoạch tự đánh giá.

- Phổ biến kế hoạch tự đánh giá đến toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của nhà trường và các bên liên quan.

Tuần 2, 3, 4, 5, 6 (từ ngày 15 tháng 11 năm 2021 đến ngày 17 tháng 12 năm 2021):

- Tổ chức hội nghị về nghiệp vụ tự đánh giá cho toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của nhà trường và các bên liên quan.

- Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá.

- Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí, tìm minh chứng cho từng tiêu chí.

- Phân loại và mã hóa các minh chứng thu được.

- Lập bảng danh mục mã minh chứng.

- Cá nhân viết phiếu đánh giá tiêu chí, đánh giá các mức đạt được theo từng tiêu chí; chú trọng đến kế hoạch cải tiến chất lượng.

Tuần 7 (từ ngày 20 tháng 12 năm 2021 đến ngày 24 tháng 12 năm 2021):

Hội đồng tự đánh giá:

- Kiểm tra lại minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá và các nội dung có liên quan.

- Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung dự thảo báo cáo tự đánh giá.

Tuần 8 (từ ngày 27 tháng 12 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021):

- Hội đồng tự đánh giá thông qua báo cáo tự đánh giá đã chỉnh sửa, bổ sung.
- Công bố dự thảo báo cáo tự đánh giá trong nội bộ nhà trường.
- Thu thập các ý kiến đóng góp dự thảo báo cáo tự đánh giá.
- Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá.
- Đề xuất những kế hoạch cải tiến chất lượng.

Tuần 9, 10, 11, 12 (từ ngày 03 tháng 01 năm 2022 đến ngày 28 tháng 01 năm 2022):

- Các thành viên của Hội đồng tự đánh giá ký tên vào danh sách trong báo cáo tự đánh giá; hiệu trưởng ký tên, đóng dấu và ban hành.
- Công bố báo cáo tự đánh giá (đã hoàn thiện) trong nội bộ nhà trường.
- Tổ chức bảo quản báo cáo tự đánh giá và các minh chứng đúng quy định.
- Gửi báo cáo tự đánh giá và công văn trình Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức.
- Tổ chức thực hiện các kế hoạch cải tiến chất lượng theo từng giai đoạn.

Tuần 13, 14 (từ ngày 07 tháng 02 năm 2022 đến ngày 18 tháng 02 năm 2022):

- Cập nhật lại báo cáo tự đánh giá sau khi được tư vấn, góp ý.

3.3. Sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá, căn cứ các điều kiện theo quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhà trường tiến hành đăng ký đánh giá ngoài với Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

## **B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

### **Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường.**

#### **Mở đầu**

Trường Tiểu học Giồng Ông Tố có cơ cấu tổ chức và quản lý theo đúng Điều lệ trường tiểu học. Trường có xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường trong 05 năm. Các tổ chức và bộ phận trong nhà trường hoạt động dưới sự chỉ đạo trực tiếp của bí thư chi bộ, hiệu trưởng, có sự phối hợp chặt chẽ với nhau

để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Việc phân công nhiệm vụ khoa học, đúng người, đúng việc, giúp cho bộ máy nhà trường hoạt động có hiệu quả.

***Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường***

Mức 1:

*a) Phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

*b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

*c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.*

Mức 2:

*Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.*

Mức 3:

*Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển đơn vị giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030; nội dung phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục 2019 là “Giáo dục tiểu học nhằm hình thành cơ sở ban đầu cho sự phát triển về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, năng lực của học sinh; chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học trung học cơ sở”; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn (2020-2025, 2025-2030 và những năm tiếp theo) và phù hợp với các nguồn lực của nhà trường về cơ sở

vật chất, đội ngũ [H1-1.1-01] như: xây dựng thành phố Thủ Đức trở thành đô thị thông minh bậc nhất khu vực Đông Nam Á (khu đô thị Thủ Thiêm), khu công nghệ cao (khu vực 2), khu công nghiệp hiện đại (khu vực 3)..

b) Kế hoạch chiến lược phát triển đơn vị giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 được Trường phòng Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 2 (nay là thành phố Thủ Đức) phê duyệt năm 2020 [H1-1.1-01].

c) Kế hoạch chiến lược phát triển đơn vị giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 [H1-1.1-01] được công khai trên bảng thông tin, Cổng thông tin điện tử (website), Zalo, Facebook, eNetViet của nhà trường [H1-1.1-02].

#### Mức 2:

Nhà trường đề ra các giải pháp cụ thể để giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển đơn vị giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 [H1-1.1-01]; được cụ thể hóa theo từng năm học qua kế hoạch năm học (kế hoạch giáo dục) [H1-1.1-03], báo cáo sơ kết và tổng kết năm học [H1-1.1-04] như: từng bước xây dựng nhà trường theo mô hình trường tiên tiến, hiện đại; phát triển phẩm chất và năng lực của từng học sinh, hướng tới phát triển toàn diện, góp phần bồi dưỡng nguồn lực chất lượng cao cho đất nước, ...

#### Mức 3:

Từ năm học 2016-2017 đến nay, nhà trường rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển đơn vị trong kế hoạch năm học cho phù hợp với tình hình thực tế [H1-1.1-05].

Nhà trường tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh [H1-1.1-06]; tuy nhiên, chưa có sự tham gia của cộng đồng.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có kế hoạch chiến lược phát triển đơn vị giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 có các giải pháp phù hợp với mục tiêu được quy định tại Luật Giáo dục 2019, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa



phương theo từng giai đoạn (2020-2025, 2025-2030 và những năm tiếp theo) và phù hợp với các nguồn lực của nhà trường về cơ sở vật chất, đội ngũ.

### **3. Điểm yếu**

Chiến lược phát triển của nhà trường chưa có sự tham gia của cộng đồng.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 3 năm 2022, hiệu trưởng chỉ đạo các bộ phận, cá nhân tiếp tục phát huy thế mạnh; đồng thời, vào cuối mỗi năm học, hiệu trưởng công bố các dự thảo kế hoạch của nhà trường cho năm học tiếp theo để tập thể nhà trường, cha mẹ học sinh và cộng đồng góp ý nhằm thực hiện chiến lược phát triển đơn vị thành công.

### **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.**

***Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác***

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

*Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường Tiểu học Giồng Ông Tố thành lập đầy đủ các hội đồng trong nhà trường theo quy định. Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định số 2230/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2020 gồm 11 thành viên; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và chế độ sinh hoạt theo Khoản 1 Điều 10 của Điều lệ trường tiểu học [H1-1.2-01]. Ngoài ra, hiệu trưởng ban hành quyết định thành lập các hội đồng theo từng năm học, đúng với hướng dẫn tại Điều 12 của Điều lệ trường tiểu học: Hội đồng thi đua, khen thưởng [H1-1.2-02]; Hội đồng tuyển sinh lớp 1 [H1-1.2-03]; Hội đồng khoa học chuyên môn [H1-1.2-04]; Hội đồng xét duyệt lên

lớp, kiểm tra lại và Hội đồng xét duyệt hoàn thành chương trình tiểu học [H1-1.2-05].

b) Hội đồng trường và các hội đồng khác trong những năm học qua thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn như tham gia quyết nghị về kế hoạch phát triển nhà trường, đóng góp xây dựng quy chế làm việc, quy chế chi tiêu nội bộ, tham gia giám sát các hoạt động của nhà trường, giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị, ... theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của nhà trường, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường; đáp ứng được các yêu cầu về cơ cấu và hoạt động tại Điều 10, Điều 12 của Điều lệ trường tiểu học [H1-1.2-01]; [H1-1.2-06]; [H1-1.2-07]; [H1-1.1-05].

c) Hội đồng trường và các hội đồng khác tổ chức họp định kỳ vào đầu mỗi năm học, cuối học kỳ I, cuối năm học hoặc đột xuất (khi cần) để rà soát, đánh giá các hoạt động; kịp thời đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy - học và giáo dục của nhà trường [H1-1.1-05]; [H1-1.2-08]; [H1-1.2-09]; [H1-1.2-10].

#### Mức 2:

Trong những năm học qua, Hội đồng trường và các hội đồng khác hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng dạy - học và giáo dục của nhà trường [H1-1.1-04].

Tất cả các hoạt động, nội dung có liên quan đến nhà trường đều được định kỳ rà soát, đánh giá, đưa ra hội đồng thảo luận, bàn bạc và thống nhất thông qua một cách công khai, minh bạch, đảm bảo quy chế dân chủ nên đã góp phần cùng đơn vị thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường. Tuy nhiên, trong buổi họp, còn một vài thành viên của Hội đồng trường và các hội đồng khác chưa mạnh dạn đề xuất chính kiến nhằm góp phần hoàn chỉnh kế hoạch năm học.

### **2. Điểm mạnh**

Hội đồng trường và các hội đồng khác hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng dạy - học và giáo dục của nhà trường trong từng năm học.

### **3. Điểm yếu**

Trong buổi họp, còn một vài thành viên của Hội đồng trường và các hội đồng khác chưa mạnh dạn đề xuất chính kiến nhằm góp phần hoàn chỉnh kế hoạch năm học.

#### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 3 năm 2022, hiệu trưởng chỉ đạo Hội đồng trường và các hội đồng khác tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình có hiệu quả; đồng thời, hiệu trưởng từng bước xây dựng “văn hóa phát biểu” trong nhà trường; sẽ gửi kế hoạch trước ít nhất 01 ngày đến từng bộ phận, đoàn thể, tổ để chuẩn bị trước các ý kiến đóng góp trong buổi họp.

#### **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.**

***Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường***

Mức 1:

*a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

*b) Hoạt động theo quy định;*

*c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

*a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.*

Mức 3:

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.*

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có đầy đủ các đoàn thể. Công đoàn được chia thành 09 tổ với 143 công đoàn viên; có chủ tịch, 01 phó chủ tịch và 05 ủy viên; hoạt động theo điều lệ, sự chỉ đạo của Liên đoàn Lao động thành phố Thủ Đức, dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo trực tiếp của Chi bộ Trường Tiểu học Giồng Ông Tố [H1-1.3-01]. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có tất cả 16 đoàn viên; có bí thư, 01 phó bí thư và 01 ủy viên; hoạt động dưới sự chỉ đạo, quản lý của Đoàn phường Bình Trưng Tây, sự lãnh đạo và chỉ đạo trực tiếp của Chi bộ Trường Tiểu học Giồng Ông Tố [H1-1.3-02]. Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh với tổng số 726 đội viên, 410 Sao Nhi đồng, dưới sự hướng dẫn của tổng phụ trách Đội; hoạt động theo kế hoạch và chỉ đạo của Hội đồng Đội thành phố Thủ Đức, dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo trực tiếp của Chi bộ Trường Tiểu học Giồng Ông Tố [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

Ngoài ra, nhà trường còn có Chi hội Khuyến học được thành lập theo đúng quy định của Điều lệ trường tiểu học, gồm 03 thành viên, do hiệu trưởng làm chi hội trưởng [H1-1.3-05]. Hội chữ thập đỏ Trường Tiểu học Giồng Ông Tố với 05 hội viên, do 01 phó hiệu trưởng làm chủ tịch, được thành lập và hoạt động theo đúng quy định, dưới sự chỉ đạo của Hội Chữ thập đỏ thành phố Thủ Đức [H1-1.3-06].

b) Nhà trường có đầy đủ các tổ chức, đoàn thể và hoạt động theo đúng quy định tại Điều 13 của Điều lệ trường tiểu học.

Công đoàn họp định kỳ 01 lần/tháng nhằm nhận định những việc đã làm trong tháng và triển khai một số hoạt động trong tháng sau. Đôi khi, ban chấp hành công đoàn họp đột xuất để giải quyết công việc kịp thời [H1-1.3-07]. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh luôn chủ động, sáng tạo trong mọi hoạt động; là lực lượng xung kích trong tất cả các phong trào, hoạt động của nhà trường; thực hiện họp theo đúng quy định 01 lần/tháng [H1-1.3-08]. Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng hoạt động tích cực theo đúng kế hoạch đề ra vào đầu mỗi năm học [H1-1.3-09].

c) Hằng năm, công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội

Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh, Chi hội Khuyến học và Hội Chữ thập đỏ của nhà trường đều hoạt động theo đúng quy định; có tổ chức sơ kết và tổng kết định kỳ để rà soát, đánh giá, rút kinh nghiệm; đồng thời, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch hoạt động cho thời gian tới; tích cực tham mưu cho hiệu trưởng nhằm có biện pháp hiệu quả, thực hiện thành công các nhiệm vụ đã đề ra [H1-1.3-10]; [H1-1.3-11]; [H1-1.3-12]. Công đoàn và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh giới thiệu quần chúng ưu tú, đoàn viên ưu tú cho chi bộ, đảm bảo chất lượng, số lượng quy định của Đảng ủy phường Bình Trưng Tây (02 đảng viên/năm) [H1-1.3-13]; [H1-1.3-14].

#### Mức 2:

a) Chi bộ Trường Tiểu học Giồng Ông Tố có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam; đạt “Trong sạch, vững mạnh” năm 2016, 2017; đạt “Trong sạch, vững mạnh tiêu biểu” năm 2018, “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” năm 2019 và “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” năm 2020 [H1-1.3-15].

Chi bộ Trường Tiểu học Giồng Ông Tố gồm 27 đảng viên, có cấp ủy gồm 03 đồng chí là cán bộ quản lý của nhà trường; bí thư là hiệu trưởng, phó bí thư là 01 phó hiệu trưởng, phó hiệu trưởng còn lại là chi ủy viên [H1-1.3-16].

Chi bộ Trường Tiểu học Giồng Ông Tố sinh hoạt 01 lần/tháng, đảm bảo sự tập trung dân chủ và thống nhất [H1-1.3-17].

b) Các đoàn thể và tổ chức khác đóng góp tích cực trong các hoạt động chung của nhà trường, mang lại nhiều thành tích cao. Công đoàn đạt vững mạnh xuất sắc liên tục nhiều năm liền [H1-1.3-18]. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh được đánh giá xuất sắc nhiều năm liền [H1-1.3-19]; [H1-1.3-20]. Riêng Hội Khuyến học của nhà trường được Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là thành phố Thủ Đức) tặng giấy khen năm 2017, 2018, 2019 và được Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam tặng bằng khen năm 2018 [H1-1.3-21].

#### Mức 3:

a) Chi bộ Trường Tiểu học Giồng Ông Tố đạt “Trong sạch, vững mạnh” năm 2016, 2017; đạt “Trong sạch, vững mạnh tiêu biểu” năm 2018, “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” năm 2019 và “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” năm 2020 [H1-1.3-17].

b) Từ năm 2016 đến nay, các đoàn thể, tổ chức, cá nhân tích cực tham gia các hoạt động như: hoạt động từ thiện, chăm sóc di tích lịch sử địa phương (đình An Phú, đền tưởng niệm Bình Trưng, đài tưởng niệm cầu Rạch Chiếc), các hội thi do Liên đoàn Lao động thành phố Thủ Đức, Thành đoàn thành phố Thủ Đức tổ chức; góp phần giáo dục truyền thống cho đoàn viên, đội viên và các em học sinh. Tuy nhiên, các hoạt động này chưa được tổ chức thường xuyên.

Nhiều năm liền, công đoàn đạt vững mạnh xuất sắc [H1-1.3-18], Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh được đánh giá xuất sắc [H1-1.3-19]; [H1-1.3-20]. Riêng Hội Khuyến học của nhà trường được Ủy ban nhân dân Quận 2 (nay là thành phố Thủ Đức) tặng giấy khen năm 2017, 2018, 2019 và được Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam tặng bằng khen năm 2018 [H1-1.3-21].

## **2. Điểm mạnh**

Trường có đầy đủ các đoàn thể, tổ chức, đóng góp tích cực trong các hoạt động chung, mang lại nhiều thành tích cao cho nhà trường. Hằng năm, chi bộ luôn đảm bảo số lượng kết nạp đảng viên mới theo quy định của Đảng ủy phường Bình Trưng Tây.

## **3. Điểm yếu**

Việc chăm sóc các di tích lịch sử ở địa phương của Liên đội nhà trường chưa được tổ chức thường xuyên.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Từ tháng 3 năm 2022, hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo các đoàn thể phát huy mặt mạnh; đồng thời, bí thư chi bộ chỉ đạo các đoàn thể phối hợp với nhau, xây dựng kế hoạch với thời gian cụ thể để đoàn viên cùng tham gia với các em đội viên trong việc chăm sóc các di tích lịch sử ở địa phương.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.**

***Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng***

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;*
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

- a) Trường Tiểu học Giồng Ông Tố là trường Hạng I, có hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02].

- b) Trường có 06 tổ chuyên môn (tổ chuyên môn 1 đến tổ chuyên môn 5, tổ Tiếng Anh) và tổ Văn phòng, được hiệu trưởng phân công vào đầu mỗi năm học. Mỗi tổ đều có tổ trưởng, 01 tổ phó và hoạt động đúng theo Điều 14, Điều 15 của Điều lệ trường tiểu học [H1-1.4-03].

c) Căn cứ vào kế hoạch năm học của hiệu trưởng, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng sinh hoạt 02 tuần/lần theo quy định tại Điều 14, Điều 15 của Điều lệ trường tiểu học.

Tổ chuyên môn thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học như: xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ theo năm học, tháng, tuần nhằm thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục [H1-1.4-04]; thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả giảng dạy, giáo dục, quản lý và sử dụng sách, thiết bị của từng thành viên trong tổ theo kế hoạch chung của nhà trường.

Tổ văn phòng thực hiện đúng chức năng theo Điều lệ trường tiểu học: Xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ nhằm phục vụ cho việc thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục của nhà trường [H1-1.4-04]; giúp hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ quản lý tài chính, tài sản trong nhà trường và hạch toán tài chính, thống kê theo quy định; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường; tham gia đánh giá, xếp loại viên chức.

#### Mức 2:

a) Đầu mỗi năm học, tổ chuyên môn căn cứ tình hình thực tế của nhà trường, tổ, giáo viên để xây dựng kế hoạch thực hiện chuyên đề, thực tập sư phạm theo đúng quy chế chuyên môn (mỗi học kỳ có ít nhất 01 chuyên đề và 04 tiết thực tập sư phạm) như: Học Tiếng Việt thông qua chơi, các phương pháp dạy Toán tích cực, phương pháp Bàn tay nặn bột, ... nhằm giúp giáo viên trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ, góp phần nâng cao chất lượng dạy học và giáo dục học sinh [H1-1.4-05].

b) Hằng tháng, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng sinh hoạt 02 lần/tháng nhằm rà soát, đánh giá, nhận định kế hoạch trong tháng đã thực hiện; đồng thời điều chỉnh, bổ sung kế hoạch cho tháng sau [H1-1.4-06]. Thành viên của các tổ đều đáp ứng được nhu cầu của công việc; luôn tự giác, tích cực, chủ động, sáng tạo, có tinh thần trách nhiệm và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H1-1.4-07]; [H1-1.4-08].



Mức 3:

a) Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng luôn tự giác, tích cực, chủ động, sáng tạo, nêu cao tinh thần trách nhiệm, góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường như: xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch; phối hợp với các tổ chức trong nhà trường thực hiện các phong trào thi đua dạy tốt - học tốt, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ trong tổ, ... [H1-1.4-06]; [H1-1.4-07]; [H1-1.4-08].

b) Trong những năm học qua, nhờ theo sát nhu cầu thực tế của nhà trường, giáo viên, tổ chuyên môn đã thực hiện hiệu quả các chuyên đề nhằm phát triển phẩm chất, năng lực, phát huy tính tích cực của từng học sinh; góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.4-09]. Tuy nhiên, trong buổi họp, một số thành viên chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến.

## **2. Điểm mạnh**

Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu đúng quy định; luôn tự giác, tích cực, chủ động, sáng tạo, nêu cao tinh thần trách nhiệm; hoạt động hiệu quả, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; góp phần tích cực trong việc nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

## **3. Điểm yếu**

Trong buổi họp, một số thành viên chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 3 năm 2022, các tổ chuyên môn, tổ Văn phòng tiếp tục phát huy tính tự giác, chủ động, sáng tạo và trách nhiệm trong công việc; đồng thời, cán bộ quản lý tăng cường tham dự họp với tổ chuyên môn, tổ văn phòng và động viên, khuyến khích, tạo điều kiện để từng thành viên đóng góp ý kiến của mình nhằm hoàn thiện hơn nữa kế hoạch hoạt động trong tháng sắp tới.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.**

### ***Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học***

Mức 1:

a) Có đủ các khối lớp cấp tiểu học;

b) Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;

*c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.*

Mức 2:

*a) Trường có không quá 30 (ba mươi) lớp;*

*b) Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định;*

*c) Tổ chức lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có đầy đủ các khối lớp từ lớp 1 đến lớp 5, được tổ chức theo quy định tại Điều 16 của Điều lệ trường tiểu học [H1-1.5-01].

b) Học sinh được tổ chức theo lớp học đúng quy định. Mỗi lớp đều có lớp trưởng, 02 lớp phó do tập thể học sinh bình bầu, dưới sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm lớp. Cứ mỗi học kỳ, các em được hướng dẫn bình bầu lại ban cán sự lớp [H1-1.5-02].

Mỗi lớp học được chia thành các tổ; có tổ trưởng, tổ phó do tập thể học sinh bình bầu dưới sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm lớp.

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ theo mô hình Trường học mới, dưới sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm lớp [H1-1.5-02] như: Ban cán sự lớp được luân phiên thay đổi trong năm học, tổ trưởng tự quản, nhắc nhở các bạn hoàn thành các nhiệm vụ học tập, ...

Mức 2:

a) Năm học 2021-2022, trường có tất cả 51 lớp, được tổ chức theo quy định tại Điều 16 của Điều lệ trường tiểu học [H1-1.5-01].

b) Những năm gần đây, với sự gia tăng dân số và di dân cơ học ở địa phương cao, ảnh hưởng không ít đến biên chế số lớp, sĩ số theo quy định. Năm học 2021-2022, ngoài 08 lớp Tiếng Anh Tích hợp (35 em/lớp), sĩ số các lớp còn lại bình quân 47 học sinh/lớp, vượt quy định tại Điều 16 Khoản 1 của Điều lệ trường tiểu học; có 43/51 lớp với số học sinh vượt quá quy định; trong đó, có 02 lớp với số học sinh là 50 em/lớp (lớp 3/5, lớp 4/4) [H1-1.5-02].

c) Ngoài việc cơ cấu lớp học theo các tổ, giáo viên chủ nhiệm còn tổ chức lớp học theo nhóm, tổ chức lớp học ngoài sân trường nhằm giải quyết các nhiệm vụ học tập và các hoạt động giáo dục trên lớp, ngoài giờ lên lớp. Tuy nhiên, sĩ số học sinh mỗi lớp cao nên việc tổ chức các hoạt động học tập trong lớp học còn gặp nhiều khó khăn [H1-1.5-02].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường tổ chức các lớp học một cách linh hoạt và phù hợp với tình hình nhà trường; phát huy tốt tính tự quản, tự chủ, tự học của học sinh.

## **3. Điểm yếu**

Trường có 51 lớp, ngoài 08 lớp Tiếng Anh Tích hợp, các lớp còn lại có sĩ số bình quân 47 học sinh/lớp, vượt quy định tại Khoản 1 Điều 16 của Điều lệ trường tiểu học.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 4 năm 2022, hiệu trưởng sẽ tham mưu với Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức về kế hoạch phân tuyến tuyển sinh đầu năm học nhằm giảm dần sĩ số học sinh theo từng năm để trường có thể đạt chuẩn với không quá 30 lớp và chỉ 35 em/lớp.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.**

### ***Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản***

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

Mức 2:

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3:

*Có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường luôn được lưu trữ theo quy định tại Điều 21 của Điều lệ trường tiểu học như: sổ đăng bộ [H1-1.6-01], sổ phổ cập giáo dục tiểu học [H1-1.6-02], học bạ [H1-1.6-03], sổ họp hội đồng sư phạm nhà trường [H1-1.6-04], phần mềm quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.6-05], sổ quản lý tài sản [H1-1.6-06], biên bản thanh lý tài sản [H1-1.6-07], sổ quản lý các văn bản, công văn [H1-1.6-08], sổ khen thưởng [H1-1.6-09].

b) Hằng năm, nhà trường lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất đầy đủ, đúng quy định, công khai [H1-1.6-10]; [H1-1.6-11]; định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản đúng quy định trước khi được kiểm tra theo kế hoạch kiểm tra nội bộ và kế hoạch kiểm tra của Phòng Tài chính thành phố Thủ Đức [H1-1.6-12]; [H1-1.6-13]. Quy chế chi tiêu nội bộ được lấy ý kiến và thông qua tại Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hằng năm; được bổ sung, cập nhật theo định kỳ, phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-15]. Tất cả các loại hồ sơ, hoạt động liên quan đến tài chính, tài sản luôn được Ban Thanh tra nhân dân của nhà trường giám sát chặt chẽ [H1-1.6-16].

c) Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng quy định, đúng mục đích, khai thác hiệu quả để phục vụ cho các hoạt động dạy - học và giáo dục. Các phòng học, phòng làm việc, bộ phận đều thực hiện kiểm kê vào đầu, cuối năm học và cuối năm tài chính [H1-1.6-17]; thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, báo cáo kiểm kê đúng thời gian quy định [H1-1.6-10]; [H1-1.6-11].

Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch tăng cường quản lý mua sắm tài sản, bảo quản cơ sở vật chất, trang bị, bổ sung các đồ dùng dạy học [H1-1.6-18].

Mức 2:

a) Nhà trường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản và mang lại hiệu quả cao: phần mềm quản lý cán bộ, công chức; phần mềm TEMIS; cơ sở dữ liệu ngành; phần mềm IMAS 2018 quản lý tài chính, quản lý tài sản nhà nước; phần mềm báo cáo thuế, báo cáo bảo hiểm xã hội; phần mềm thu tiền học sinh [H1-1.6-05].

b) Hằng năm, hiệu trưởng ban hành Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công [H1-1.6-19]. Trong 05 năm liên tiếp (từ năm 2016 đến năm 2020), nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản [H1-1.6-14].

Mức 3:

Nhà trường có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp, phù hợp với điều kiện nhà trường và thực tế địa phương [H1-1.6-20]; tuy nhiên, chưa có kế hoạch dài hạn để góp phần thực hiện thành công chiến lược phát triển lâu dài của đơn vị.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ hồ sơ theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý; sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả phục vụ tốt các hoạt động giáo dục.

## **3. Điểm yếu**

Trường chưa có kế hoạch dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp, phù hợp với điều kiện nhà trường và thực tế địa phương.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 3 năm 2022, hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong quản lý; đồng thời, hiệu trưởng cùng nhân viên kế toán xây dựng kế hoạch dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp, phù hợp với điều kiện nhà trường và thực tế địa phương.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.**

***Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên***

Mức 1:

*a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;*

*b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường;*

*c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

*Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Vào đầu mỗi năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ dành cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên: bồi dưỡng chính trị hệ; lớp Trung cấp lý luận chính trị; lớp nâng cao kỹ năng giao tiếp tiếng Anh, bằng B2 tiếng Anh chuẩn Châu Âu, bằng B ngoại ngữ thứ hai; các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn do Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh và Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức tổ chức; các chuyên đề phù hợp với nhu cầu thực tế của giáo viên do nhà trường tổ chức [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02]; [H1-1.4-05].

b) Đầu mỗi năm học, hiệu trưởng ra quyết định phân công nhiệm vụ cụ thể, phù hợp năng lực cá nhân, kỹ năng sư phạm, sự am hiểu về tâm sinh lý học sinh cho từng thành viên, nhằm đảm bảo hiệu quả cho hoạt động giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường [H1-1.5-01].

c) Nhà trường thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho cán bộ, giáo viên, nhân viên theo đúng quy định: phụ cấp ưu đãi, phụ cấp thâm niên và các phụ cấp khác theo quy định của Chính phủ [H1-1.7-03]; được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn [H1-1.7-04]; hưởng các chính

sách theo quy định đối với nhà giáo và các quyền lợi được thông qua tại hội nghị công chức, viên chức [H1-1.6-05].

Ngoài ra, cán bộ, giáo viên, nhân viên còn được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 01 lần/năm học [H1-1.7-05]; tham quan, nghỉ dưỡng 02 lần/năm học (01 chuyến ngắn ngày vào cuối học kỳ I và 01 chuyến dài ngày vào dịp hè) [H1-1.7-06].

## Mức 2:

Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi về thời gian, không gian, kinh phí, cơ sở vật chất để từng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phát huy hết năng lực, sở trường của mình trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục. Hằng năm, nhà trường tổ chức các phong trào, hội thi, sân chơi dành cho giáo viên, nhân viên: giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi [H1-1.7-07], giáo viên dạy giỏi [H1-1.7-08], tiết dạy tốt chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 [H1-1.7-09], thi đua dạy tốt - học tốt, làm đồ dùng dạy học [H1-1.7-10], viết chữ đẹp [H1-1.7-11], hội diễn văn nghệ (mừng xuân, mừng Đảng; chào mừng 20/11, ...) [H1-1.7-12]. Tuy nhiên, còn 15/70 giáo viên do lớn tuổi, ít tham gia các hoạt động chung của nhà trường.

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cụ thể; tạo mọi điều kiện thuận lợi cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên tự bồi dưỡng, trau dồi năng lực, phát huy năng lực, sở trường của mình.

## 3. Điểm yếu

Còn 15/70 giáo viên do lớn tuổi, ít tham gia các hoạt động chung của nhà trường.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ tháng 3 năm 2022, hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo các bộ phận tiếp tục tham mưu để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cụ thể, hiệu quả; đồng thời, cùng các đoàn thể tổ chức sân chơi phù hợp cho nhiều lứa tuổi, khai thác hết nội lực của tập thể.

## 5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

***Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục***

Mức 1:

- a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*
- b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*
- c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

Mức 2:

*Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục dựa vào định hướng của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức, phù hợp với quy định hiện hành và điều kiện thực tế của địa phương [H1-1.8-01]. Từ đó, tổ chuyên môn và từng giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với tổ, lớp chủ nhiệm [H1-1.4-04]. Tuy nhiên, giáo viên chưa mạnh dạn thay đổi ngữ liệu giảng dạy ngoài sách giáo khoa cho phù hợp với tình hình học sinh, địa phương.

b) Kế hoạch giáo dục đầy đủ các nội dung, đáp ứng khả năng nhận thức, phù hợp với từng đối tượng học sinh và yêu cầu phát triển bền vững trong điều kiện thực tế của nhà trường: chuẩn kiến thức - kỹ năng các môn học theo chương trình giáo dục phổ thông hiện hành (lớp 3, 4, 5) và Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 (lớp 1, 2); hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm; chương trình Tiếng Anh Tích hợp, Tiếng Anh Tăng cường, Tiếng Anh Đề án; chương trình dạy môn Tin học (lớp 3, 4, 5); hoạt động ngoại khóa; thời khóa biểu [H1-1.8-01].

c) Kế hoạch giáo dục của nhà trường được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời theo định kỳ hàng tháng, học kỳ [H1-1.8-02]; [H1-1.6-04].

Mức 2:



Hằng năm, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ giữa học kỳ (lớp 4, 5), cuối học kỳ I và cuối năm học nhằm kiểm tra, đánh giá các hoạt động giáo dục của toàn trường [H1-1.8-03]; [H1-1.8-04]. Sau mỗi kỳ kiểm tra, nhà trường rút kinh nghiệm, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch giáo dục để đạt hiệu quả cao hơn như: kiểm tra việc thực hiện các chuyên đề chuyên môn, công tác chủ nhiệm nhằm hỗ trợ giáo viên thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công. Ngoài chuyên môn, nhà trường còn chú trọng đến các công tác như: tuyển sinh, kiểm tra nội bộ, tài chính, quy chế dân chủ, ... Việc điều chỉnh, bổ sung các biện pháp luôn kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế của học sinh, nhà trường đạt hiệu quả và được Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức đánh giá mức Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.8-04]; tuy nhiên, những điều đó chưa được thể hiện trong văn bản.

## **2. Điểm mạnh**

Trường xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với thực tế đơn vị, địa phương; quản lý tốt các hoạt động giáo dục được Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức đánh giá đạt hiệu quả tốt.

## **3. Điểm yếu**

Nhà trường còn chậm trong việc cập nhật, bổ sung các biện pháp điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế của học sinh trong văn bản.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 3 năm 2022, hiệu trưởng chỉ đạo các bộ phận cập nhật thông tin và thể hiện bằng văn bản cụ thể, kịp thời; tăng cường kiểm tra để nhắc nhở nếu còn thiếu sót.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.**

### ***Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở***

Mức 1:

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;*

*b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;*

*c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.*

Mức 2:

*Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường luôn thực hiện đúng quy định của Luật Giáo dục 2019, Luật Công đoàn 2012, Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập. Hằng năm, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường trước khi thông qua tại Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức [H1-1.9-01]. Tuy nhiên, 10/70 giáo viên, nhân viên chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến cho sự phát triển chung của nhà trường.

b) Các khiếu nại, kiến nghị, phản ánh của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường (về chế độ, chính sách, quy chế chi tiêu nội bộ) đều được hiệu trưởng giải quyết đúng quy định, kịp thời [H1-1.8-03].

c) Hằng năm, nhà trường thực hiện các báo cáo về thực hiện quy chế dân chủ cơ sở thông qua Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức [H1-1.9-02].

Mức 2:

Nhà trường luôn thực hiện tốt Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân với các biện pháp, cơ chế giám sát, đảm bảo tính công khai, minh bạch, hiệu quả. Tất cả nội dung đều được đưa ra Hội đồng sư phạm nhà trường thảo luận và lấy ý kiến của cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.9-03]. Tuy nhiên, còn 10/70 giáo viên, nhân viên chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến trong các buổi họp.

### **2. Điểm mạnh**

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đều được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

Nhà trường luôn đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả trong mọi hoạt động.

### **3. Điểm yếu**

Trường còn 10/70 giáo viên, nhân viên chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến cho sự phát triển chung của nhà trường trong các buổi họp.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 3 năm 2022, trong các buổi họp, cán bộ quản lý gợi ý, mời từng thành viên phát biểu ý kiến, dần hình thành thói quen, sự tự tin khi phát biểu, đóng góp ý kiến cho từng giáo viên, nhân viên và kế hoạch chung của nhà trường.

### **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.**

#### ***Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học***

Mức 1:

*a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;*

*b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;*

*c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.*

Mức 2:

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn*

*phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;*

*b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch với các phương án đảm bảo an toàn, an ninh trật tự cho đơn vị [H1-1.10-01]. Vào giờ cao điểm, nhà trường phối hợp lực lượng dân phòng của phường Bình Trưng Tây điều tiết xe, phân luồng giao thông.

Ngoài ra, nhà trường còn xây dựng kế hoạch phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai [H1-1.10-02]; phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-03]; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-02].

Nhà trường thực hiện 100% dạy - học 02 buổi/ngày; trên 90% học sinh tham gia bán trú. Bếp ăn dành cho học sinh được Ban an toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm [H1-1.10-04].

b) Nhà trường có 02 hộp thư góp ý, được đặt ngay phòng bảo vệ và sảnh khu A. Nhằm tạo thuận lợi cho việc tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân kịp thời, nhà trường có đường dây nóng đặt tại phòng Tài vụ và phòng Hành chính; ngoài ra, còn công khai số điện thoại, địa chỉ email, lịch tiếp công dân của cán bộ quản lý [H1-1.10-05].

Để đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh, nhà trường có kế hoạch cụ thể, mua sắm đầy đủ các trang thiết bị y tế, các loại thuốc thiết yếu cho phòng y tế, phòng nha học đường [H1-1.10-06]. Ngoài ra, nhà trường còn lắp đặt hệ thống camera quanh khuôn viên trường, hành lang, một số phòng học để giám sát, kịp thời xử lý sự cố; hệ thống phòng cháy, chữa cháy được khởi động vào mỗi cuối tuần, đảm bảo vận hành tốt [H1-1.10-07]; hệ thống thang

máy có kế hoạch vận hành, hướng dẫn sử dụng cụ thể, được bảo trì định kỳ [H1-1.10-08].

Tuy nhiên, với khuôn viên rộng, nhưng trường chỉ có 01 cổng chính (khoảng 08 mét) và 01 cổng phụ (khoảng 02 mét) đều hướng ra đường số 6; nhà trường đang xin phép Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức cho mở thêm một lối thoát hiểm ra đường khác nhằm đề phòng sự cố.

Đồng thời, cạnh cổng phụ có trụ điện, bình điện cao thế, là mối đe dọa không nhỏ đến sự an toàn của toàn trường; nhà trường đã kiến nghị với Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức cho di dời.

c) Nhà trường thường xuyên tuyên truyền, vận động cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nêu cao tinh thần trách nhiệm, quan tâm, yêu thương học sinh; không kỳ thị, xúc phạm nhân cách và thân thể học sinh; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh; không để xảy ra hiện tượng phân biệt về giới tính, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới; thực hiện tốt phong trào “Cổng trường em xanh, sạch, đẹp, an toàn và thân thiện”, “Môi trường học thân thiện” và “Mỗi ngày đến trường là một ngày vui” [H1-1.10-09].

#### Mức 2:

a) Nhà trường chú trọng công tác tuyên truyền, hướng dẫn cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích [H1-1.10-02]; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-03]; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường thông qua các buổi diễn tập, sinh hoạt hội đồng sư phạm, sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt ngoại khóa, website của nhà trường [H1-1.6-04].

b) Nhà trường tăng cường tuyên truyền trong giờ sinh hoạt dưới cờ về các vấn đề liên quan bạo lực học đường. Tổng phụ trách Đội cùng đội Sao đỏ giám sát chặt chẽ mọi hoạt động của học sinh, nhất là giờ chơi nhằm phát hiện các biểu hiện liên quan bạo lực học đường để có biện pháp ngăn chặn kịp thời [H1-1.10-10].

Nhà trường làm thêm hàng barrier sắt phía trước cổng chính, tách biệt với đường công cộng nhằm đảm bảo an toàn, an ninh trật tự; tạo “Cổng trường em luôn xanh, sạch, đẹp, an toàn và thân thiện” [H1-1.1-02].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ kế hoạch, phương án nhằm đảm bảo an toàn, an ninh trật tự cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

## **3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa có lối thoát hiểm nhằm đề phòng sự cố.

Trụ điện cao thế trong khuôn viên trường luôn đe dọa sự an toàn của cả đơn vị.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 3 năm 2022, cán bộ quản lý tiếp tục tham mưu với Đảng ủy, Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Tây, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức có kế hoạch mở thêm lối thoát hiểm để đề phòng sự cố; đồng thời, cho di dời trụ điện, bình điện cao thế.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.**

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 1**

#### **Điểm mạnh nổi bật**

Cơ cấu tổ chức bộ máy của nhà trường đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường tiểu học, phù hợp tình hình thực tế của đơn vị; thực hiện tốt các biện pháp cải tiến công tác quản lý; thường xuyên chỉ đạo, tổ chức kiểm tra, đánh giá chất lượng và hiệu quả hoạt động giáo dục; đảm bảo chế độ thông tin báo cáo; thực hiện tốt quy chế dân chủ trong mọi hoạt động.

Công tác quản lý đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên; quản lý, sử dụng tài chính, đất đai, cơ sở vật chất luôn được nhà trường thực hiện đúng theo quy định; đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trường học; thực hiện tốt các quy định về phòng, chống bạo lực học đường, vi phạm về giới, phòng, chống dịch bệnh; không để các tệ nạn xã hội xảy ra tại đơn vị.

#### **Điểm yếu cơ bản**

Trường có tất cả 51 lớp, ngoài 08 lớp Tiếng Anh Tích hợp, các lớp còn lại

có sĩ số bình quân 47 học sinh/lớp vượt quy định.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:** 10/10.

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:** 00/10.

**Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh**

**Mở đầu**

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên là nhân tố quan trọng, quyết định chất lượng và hiệu quả hoạt động của nhà trường. Cán bộ quản lý có đủ sức khỏe, năng lực lãnh đạo, chuyên môn; luôn nhiệt tình, năng động, chủ động và sáng tạo trong công tác quản lý. Giáo viên, nhân viên được biên chế đủ theo yêu cầu của Điều lệ trường tiểu học, đảm bảo các chế độ, chính sách hiện hành. Tập thể nhà trường luôn đoàn kết, cùng nhau hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao. Học sinh thực hiện đầy đủ 05 nhiệm vụ của người học sinh, 05 điều Bác Hồ dạy; được đảm bảo đầy đủ các quyền theo quy định.

***Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng***

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

*Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

- a) Hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng đều đạt tiêu chuẩn theo quy định của

Luật Giáo dục 2019 và có học vị Thạc sĩ Quản lý giáo dục [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03].

Hiệu trưởng có 14 năm trực tiếp đứng lớp giảng dạy, 10 năm làm công tác quản lý [H2-2.1-01].

Phó hiệu trưởng thứ nhất có 19 năm trực tiếp đứng lớp giảng dạy, 08 năm làm công tác quản lý [H2-2.1-02].

Phó hiệu trưởng thứ hai có 24 năm trực tiếp đứng lớp giảng dạy, 02 năm làm công tác quản lý [H2-2.1-03].

Ngoài ra, hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng còn thực hiện đúng quy định tại Điều 7 của Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông và Thông tư số 15/2017/TT-BGDĐT ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo: hiệu trưởng dạy 02 tiết/tuần; phó hiệu trưởng dạy 04 tiết/tuần.

b) Hằng năm, hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng đều được đánh giá chuẩn hiệu trưởng theo Thông tư số 14/2011/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 4 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng trường tiểu học, Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông và đạt mức Khá trở lên [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03].

|                   | <b>Năm học<br/>2016-2017</b> | <b>Năm học<br/>2017-2018</b> | <b>Năm học<br/>2018-2019</b> | <b>Năm học<br/>2019-2020</b> | <b>Năm học<br/>2020-2021</b> |
|-------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Hiệu trưởng       | Xuất sắc                     | Xuất sắc                     | Khá                          | Khá                          | Khá                          |
| Phó hiệu trưởng 1 | Xuất sắc                     | Xuất sắc                     | Khá                          | Khá                          | Khá                          |



|                   |          |          |     |     |     |
|-------------------|----------|----------|-----|-----|-----|
| Phó hiệu trưởng 2 | Xuất sắc | Xuất sắc | Khá | Khá | Khá |
|-------------------|----------|----------|-----|-----|-----|

c) Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng luôn tự bồi dưỡng và tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục do Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức tổ chức [H2-2.1-04]. Tuy nhiên, hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng chưa có bằng quản lý nhà nước.

#### Mức 2:

a) Trong 05 năm học liên tiếp (từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021) hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng đều được đánh giá chuẩn hiệu trưởng theo Thông tư số 14/2011/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 4 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng trường tiểu học, Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông và đạt mức Khá trở lên [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03].

b) Hiệu trưởng có trình độ Cử nhân lý luận chính trị; 02 phó hiệu trưởng có trình độ Trung cấp lý luận chính trị. Cán bộ quản lý đều được tập thể nhà trường tín nhiệm cao [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03]; [H2-2.1-05].

#### Mức 3:

Trong 05 năm học liên tiếp (từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021), hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng đều được đánh giá chuẩn hiệu trưởng theo Thông tư số 14/2011/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 4 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng trường tiểu học, Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông và đạt mức Khá trở lên; trong đó có ít nhất 01 lần đạt mức Tốt [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03].

## 2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng đều có trình độ đạt chuẩn theo Luật Giáo

dục 2019 và là Thạc sĩ Quản lý giáo dục; có nhiều năm liên tiếp đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức Khá trở lên; được tập thể giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh tín nhiệm.

### **3. Điểm yếu**

Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng chưa có bằng quản lý nhà nước.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 3 năm 2022, hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng sẽ sắp xếp thời gian tham gia bồi dưỡng lớp quản lý nhà nước.

### **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.**

#### ***Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên***

Mức 1:

*a) Số lượng giáo viên đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; có giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh;*

*b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;*

*c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

Mức 2:

*a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;*

*c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

### 1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có tất cả 70 giáo viên (trong đó có 50 giáo viên nhiều môn và 20 giáo viên bộ môn), đảm bảo đủ số lượng để dạy các môn học và tổ chức hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình Giáo dục phổ thông 2006 (lớp 3, 4, 5) và Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 (lớp 1, 2); có giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh theo đúng quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập [H1-1.5-01].

b) Nhà trường có trên 91,4% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục 2019 [H2-2.2-01]; còn 05 giáo viên chưa đạt chuẩn (do lớn tuổi, sắp nghỉ hưu nên không tham gia học nâng chuẩn).

|                 | Năm học<br>2016-<br>2017 | Năm học<br>2017-<br>2018 | Năm học<br>2018-<br>2019 | Năm học<br>2019-<br>2020 | Năm học<br>2020-<br>2021 |
|-----------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Trên đại<br>học | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       |
| Đại học         | 53                       | 54                       | 52                       | 52                       | 57                       |
| Cao<br>đẳng     | 17                       | 17                       | 17                       | 17                       | 14                       |

|           |    |    |    |    |    |
|-----------|----|----|----|----|----|
| Trung cấp | 04 | 02 | 02 | 02 | 01 |
|-----------|----|----|----|----|----|

c) Hằng năm, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt Khá trở lên [H2-2.2-02].

| Năm học   | Xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên |                              |                                            |
|-----------|--------------------------------------|------------------------------|--------------------------------------------|
| 2016-2017 | Xuất sắc: 50/74<br>(Tỷ lệ: 67,6%)    | Khá: 19/74<br>(Tỷ lệ: 25,7%) | Không xếp loại:<br>05/74<br>(Tỷ lệ: 6,7%)  |
| 2017-2018 | Xuất sắc: 53/73<br>(Tỷ lệ: 72,6%)    | Khá: 17/73<br>(Tỷ lệ: 23,3%) | Không xếp loại:<br>03/73<br>(Tỷ lệ: 04,1%) |
| 2018-2019 | Tốt: 00/71<br>(Tỷ lệ: 00%)           | Khá: 50/71<br>(Tỷ lệ: 70,4%) | Đạt: 21/71<br>(Tỷ lệ: 29,6%)               |
| 2019-2020 | Tốt: 14/71<br>(Tỷ lệ: 20%)           | Khá: 52/71<br>(Tỷ lệ: 73%)   | Đạt: 5/71<br>(Tỷ lệ: 07%)                  |
| 2020-2021 | Tốt: 20/72<br>(Tỷ lệ: 27%)           | Khá: 49/72<br>(Tỷ lệ: 69%)   | Đạt: 03/72<br>(Tỷ lệ: 04%)                 |

\* Chú thích: năm học 2016-2017 có 05 giáo viên không xếp loại (03 giáo viên nghỉ hậu sản, 01 giáo viên nghỉ bệnh, 01 giáo viên chuyên trách) và năm học 2017-2018 có 03 giáo viên không xếp loại (02 nghỉ hậu sản, 01 nghỉ bệnh).

Mức 2:

a) Theo Luật Giáo dục 2019, giáo viên của nhà trường có trình độ đào tạo đạt chuẩn là 91,4% và 01 giáo viên có bằng Thạc sĩ Quản lý giáo dục (chiếm 1,4%) [H2-2.2-01]. Nhà trường luôn tạo điều kiện để giáo viên tự bồi dưỡng, nâng cao trình độ (05 giáo viên lớn tuổi, sắp nghỉ hưu).

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức Khá trở lên [H2-2.2-02].

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.2-02].

Mức 3:

a) Đến thời điểm hiện tại, nhà trường chỉ có 1,4% giáo viên đạt trình độ đào tạo trên chuẩn [H2-2.2-01].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức Khá trở lên; trong đó, chỉ có 27% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức Tốt [H2-2.2-02]. Số giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên đạt mức Tốt còn hạn chế.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có 91,4% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo và 01 giáo viên có bằng Thạc sĩ Quản lý giáo dục (chiếm 1,4%).

Nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức Khá trở lên.

## **3. Điểm yếu**

Số giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên đạt mức Tốt còn hạn chế.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 3 năm 2022, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp và luôn tạo điều kiện để khuyến khích giáo viên tích cực tham gia tự bồi dưỡng, nâng cao trình độ đào tạo.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.**

### ***Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên***

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

*b) Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

*a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;*

*b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có đầy đủ nhân viên đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công như: kế toán, văn thư, học vụ, thủ quỹ, thư viện - thiết bị, phục vụ, bảo vệ [H1-1.5-01]. Ngoài ra, nhà trường hợp đồng thêm nhân viên y tế, kiêm nhiệm phòng nha; được phân công phụ trách hỗ trợ học sinh khuyết tật.

b) Nhân viên của nhà trường được hiệu trưởng phân công công việc phù hợp theo năng lực, khả năng và sở trường của từng cá nhân [H1-1.5-01].

c) Nhân viên nhiệt tình, năng động, có chuyên môn, tinh thần trách nhiệm cao và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao [H2-2.3-01]; [H1-1.1-04]; [H2-2.3-02].

Mức 2:

a) Nhà trường có số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo đúng quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập [H1-1.5-01].

b) Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có nhân viên nào bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.3-02].

Mức 3:

a) Có 44,4% nhân viên của nhà trường có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm [H2-2.2-02]. Nhân viên thư viện chỉ có giấy xác nhận tham gia khóa học về thư viện, chưa có giấy chứng nhận tốt nghiệp. Riêng nhân viên y tế (hợp đồng) có đầy đủ bằng cấp theo quy định (Trung cấp dược, y sĩ đa khoa, y sĩ chuyên khoa răng - hàm - mặt, chứng chỉ hành nghề khám chữa bệnh). Còn 55,6%

nhân viên chưa đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm (03 nhân viên bảo vệ, 01 nhân viên phục vụ, 01 nhân viên thư viện).

b) Hằng năm, nhân viên được hiệu trưởng tạo mọi điều kiện tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm như: công tác văn thư, lưu trữ, truyền thông giáo dục sức khỏe học đường, nghiệp vụ thư viện, thiết bị, ... [H1-1.7-01].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đảm bảo số lượng và cơ cấu nhân viên theo đúng quy định. Nhân viên được hiệu trưởng tạo mọi điều kiện để tham gia đầy đủ các khóa học, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và có năng lực thực tế đáp ứng tốt vị trí việc làm.

## **3. Điểm yếu**

Còn 55,6% nhân viên chưa đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm (03 nhân viên bảo vệ, 01 nhân viên phục vụ, 01 nhân viên thư viện).

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 3 năm 2022, hiệu trưởng cùng các đoàn thể động viên, tạo điều kiện (theo lộ trình) để 05 nhân viên tự bồi dưỡng, nâng chuẩn về trình độ đào tạo.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.**

### ***Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh***

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh tiểu học theo quy định;*
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

*Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.*

Mức 3:

*Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Tất cả học sinh của nhà trường đảm bảo về tuổi học sinh tiểu học theo đúng quy định tại Điều 33 của Điều lệ trường tiểu học [H2-2.4-01].

b) Học sinh thực hiện tốt 05 nhiệm vụ của người học sinh, 05 điều Bác Hồ dạy theo đúng quy định tại Điều 34 của Điều lệ trường tiểu học như: chấp hành nội quy nhà trường; đi học đều và đúng giờ; rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân; đoàn kết, yêu thương, biết giúp đỡ bạn bè, ... [H2-2.4-02]; [H2-2.4-03].

c) Học sinh luôn được đảm bảo các quyền theo quy định của Luật Trẻ em 2016, Điều 35 của Điều lệ trường tiểu học. Các em được tôn trọng, bình đẳng; được tham gia tất cả các hoạt động của nhà trường; được thể hiện “Điều em muốn nói”, tham gia tọa đàm cùng cán bộ quản lý ít nhất 02 lần/năm học [H2-2.4-04]; [H2-2.4-05].

Mức 2:

Học sinh luôn được giáo viên, tổng phụ trách Đội, bí thư chi đoàn quan tâm, chăm sóc, giáo dục theo quy định tại Điều 37 của Điều lệ trường tiểu học, đúng với quy tắc ứng xử theo Kế hoạch số 05/KH-GOT ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Trường Tiểu học Giồng Ông Tố về thực hiện Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định quy tắc ứng xử trong nhà trường kể từ năm học 2020-2021 [H2-2.4-06]. Với những học sinh vi phạm các hành vi không được làm, ngay khi được phát hiện, nhà trường có những biện pháp giáo dục phù hợp, giúp các em từng bước chuyển biến tích cực [H1-1.6-01].

Mức 3:

Trong những năm qua, học sinh của trường luôn tích cực học tập, rèn luyện và đạt nhiều thành tích, được động viên khen thưởng kịp thời. Vinh dự hơn, hình ảnh của các em được dán trên bảng danh dự tại sảnh A, website của nhà trường. Sự cố gắng của các em tạo nên nhiều thành tích làm cho hoạt động lớp, trường ngày một đi lên. Tuy nhiên, có 17% học sinh chưa nhận được sự quan tâm của gia đình nên chưa tích cực trong học tập và tham gia các phong trào do nhà trường tổ chức [H1-1.8-05]; [H2-2.4-05].



## **2. Điểm mạnh**

Học sinh đảm bảo đúng quy định về độ tuổi; được nhà trường yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giáo dục tốt; luôn thực hiện tốt 05 nhiệm vụ của người học sinh và 05 điều Bác Hồ dạy.

## **3. Điểm yếu**

Còn 17% học sinh chưa nhận được sự quan tâm của gia đình nên chưa tích cực trong học tập và tham gia các phong trào do nhà trường, thành phố tổ chức.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 3 năm 2022, hiệu trưởng chỉ đạo tiếp tục nhận học sinh học đúng độ tuổi; giáo dục học sinh thực hiện tốt 05 điều Bác Hồ dạy và 05 nhiệm vụ của người học sinh. Đồng thời, đầu năm học 2022-2023, hiệu trưởng chỉ đạo bộ phận chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm, tổng phụ trách Đội thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa trong và ngoài nhà trường để cho các em được trải nghiệm; phối hợp với gia đình giáo dục học sinh tích cực hơn trong học tập, tham gia các phong trào do trường, thành phố tổ chức.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.**

### **Kết luận về tiêu chuẩn 2**

#### **Điểm mạnh nổi bật**

Cán bộ quản lý đều đạt trình độ trên chuẩn, có chuyên môn, nghiệp vụ; có năng lực quản lý, điều hành; rất năng động và sáng tạo; được tập thể nhà trường tín nhiệm cao.

Đội ngũ giáo viên, nhân viên đủ theo quy định, có chuyên môn, nghiệp vụ, năng động, sáng tạo, yêu nghề, mến trẻ.

Học sinh đảm bảo đúng quy định về độ tuổi; thực hiện tốt các nhiệm vụ học tập và rèn luyện; được hưởng mọi quyền lợi chính đáng.

#### **Điểm yếu cơ bản**

Số giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học đạt mức tốt chưa cao.

Còn 05 nhân viên chưa có bằng cấp đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04.**

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04.**

**Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**

**Mở đầu**

Trường Tiểu học Giồng Ông Tố được xây dựng mới vào năm 2009, cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học cơ bản đầy đủ theo quy định. Hằng năm, nhà trường rà soát, đánh giá lên kế hoạch sửa chữa, trang bị thêm các thiết bị thông minh để từng bước nâng cao chất lượng về lớp, học sinh; đồng thời, chỉ đạo việc khai thác, sử dụng cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

***Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập***

Mức 1:

*a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;*

*b) Có công trường, biển tên trường và tường hoặc hàng rào bao quanh;*

*c) Có sân chơi, sân tập thể dục thể thao.*

Mức 2:

*a) Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định;*

*b) Sân chơi, sân tập đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả.*

Mức 3:

*Sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây bóng mát, có đồ chơi, thiết bị vận động.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có diện tích 12808 m<sup>2</sup>, với tổng số học sinh của trường là 2257 (bình quân 5,7 m<sup>2</sup>/học sinh), đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn, thân thiện để tổ chức các hoạt động giáo dục [H3-3.1-01].

b) Nhà trường có 02 cổng (01 cổng chính rộng khoảng 08 m, 01 cổng phụ rộng khoảng 02 m đều hướng ra đường số 6); có biển tên trường tại cổng chính.

Khuôn viên có tường rào kiên cố bao quanh, cao trên 2,5 m, đảm bảo an toàn và thẩm mỹ [H3-3.1-02].

c) Nhà trường có sân khu A với cây xanh, mái che bằng lưới lan và sân khu B để tập thể dục thể thao, đảm bảo nhiều cây xanh có bóng mát với tổng diện tích 3500 m<sup>2</sup> [H3-3.1-02].

#### Mức 2:

a) Diện tích khuôn viên rộng 12808 m<sup>2</sup>, thoáng mát; sân chơi có cây xanh, mái che; sân tập có nhiều cây xanh đảm bảo theo quy định tại Điều 39 của Điều lệ trường tiểu học [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02]. Tuy nhiên, diện tích sân chơi, sân tập chưa đáp ứng theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020.

b) Sân chơi, sân tập đảm bảo nhu cầu cho học sinh toàn trường vui chơi và luyện tập thể dục thể thao, mang lại hiệu quả cao trong các hoạt động giáo dục [H3-3.1-02]. Tuy nhiên, diện tích sân chơi, sân tập chưa đáp ứng theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### Mức 3:

Sân chơi khu A được lát gạch, cây xanh bao quanh, phía trên có mái che bằng lưới lan; sân tập khu B được đổ cát, bằng phẳng, có cây bóng mát [H3-3.1-02]. Tuy nhiên, diện tích sân chơi, sân tập chưa đáp ứng theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020; chưa có đồ chơi, thiết bị vận động cho học sinh.

### **2. Điểm mạnh**

Khuôn viên trường rộng, thoáng mát, có cây xanh, mái che; cổng trường rộng, được bao quanh bằng tường cao đảm bảo an toàn, mỹ quan; sân chơi, bãi tập đúng quy định tại Điều 39 của Điều lệ trường tiểu học.

### **3. Điểm yếu**

Diện tích sân chơi, sân tập chưa đáp ứng theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020; chưa có đồ chơi, thiết bị vận động cho học sinh.

#### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 3 năm 2022, hiệu trưởng tham mưu với Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức giảm dần số lượng học sinh được phân tuyến; đồng thời, cân đối ngân sách, có kinh phí để trang bị đồ chơi, thiết bị vận động cho học sinh; góp phần giúp các em phát triển toàn diện.

#### **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.**

##### ***Tiêu chí 3.2: Phòng học***

Mức 1:

- a) Đủ mỗi lớp một phòng học riêng, quy cách phòng học theo quy định;*
- b) Bàn, ghế học sinh đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho học sinh; có bàn ghế phù hợp cho học sinh khuyết tật học hòa nhập (nếu có); bàn, ghế giáo viên, bảng lớp theo quy định;*
- c) Có hệ thống đèn, quạt (ở nơi có điện); có hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.*

Mức 2:

- a) Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Tủ đựng thiết bị dạy học có đủ các thiết bị dạy học;*
- c) Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế học sinh theo quy định*

Mức 3:

*Có các phòng riêng biệt để dạy các môn âm nhạc, mỹ thuật, khoa học và ngoại ngữ; có phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu (nếu có).*

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

- a) Nhà trường đáp ứng đủ phòng cho 51 lớp học 02 buổi/ngày với quy cách phòng học theo quy định, đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát, an toàn cho giáo viên và học sinh [H3-3.2-01].

b) Tất cả phòng học đều được trang bị bảng, bàn, ghế đúng quy cách, đủ cho tất cả học sinh và giáo viên [H3-3.2-02]. Tuy nhiên, nhà trường chưa trang bị bàn, ghế dành riêng cho học sinh khuyết tật.

c) Mỗi lớp đều được trang bị hệ thống đèn, quạt, tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học đúng quy định; riêng các lớp tích hợp được gắn thêm máy lạnh [H3-3.2-02].

#### Mức 2:

a) Phòng học đều có cửa sổ đảm bảo ánh sáng tự nhiên và 02 cửa ra, vào với diện tích 48 m<sup>2</sup>/phòng theo đúng tiêu chuẩn của Bộ Y tế [H3-3.2-03]. Tuy nhiên, theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, diện tích mỗi phòng học lại không đạt yêu cầu (1,5 m<sup>2</sup>/học sinh nếu kết hợp nghỉ trưa).

b) Mỗi lớp học đều có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học đúng theo quy định tại Điều 41 của Điều lệ trường tiểu học [H3-3.2-02].

c) 100% bàn, ghế học sinh (loại bàn đôi - ghế đơn và loại bàn đơn - ghế đơn) với khung sắt; mặt bàn, mặt ngồi và lưng tựa bằng gỗ; kích thước, kiểu dáng, màu sắc đảm bảo đúng quy định theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT ngày 16 tháng 6 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ Y tế về hướng dẫn tiêu chuẩn bàn ghế học sinh trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông [H3-3.2-03].

#### Mức 3:

Do học sinh ngày càng đông, nhà trường phải tận dụng tất cả các phòng học nghệ thuật làm phòng học [H3-3.2-01]. Do vậy, nhà trường chưa có các phòng riêng biệt để dạy các môn âm nhạc, mỹ thuật; chưa có phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, bồi dưỡng học sinh năng khiếu.

### **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đảm bảo mỗi lớp/phòng; được trang bị đầy đủ bảng, bàn, ghế, đèn, quạt, tủ đựng thiết bị dạy học đúng quy định của Điều lệ trường tiểu học. Các phòng học đảm bảo thoáng mát, đủ ánh sáng, đủ chỗ ngồi cho học sinh.

### **3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa có bàn, ghế dành riêng cho học sinh khuyết tật học hòa

nhập; đồng thời, còn thiếu các phòng học nghệ thuật.

Diện tích phòng học không đáp ứng yêu cầu theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 3 năm 2022, hiệu trưởng có kế hoạch đề xuất với Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức cấp bản, ghế dành riêng cho học sinh khuyết tật học hòa nhập; đồng thời, tham mưu cùng Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức có kế hoạch phân tuyến phù hợp, giảm dần số lượng học sinh đầu vào để nhà trường có đủ các phòng học, đủ diện tích theo quy định.

#### **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.**

***Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị***

Mức 1:

*a) Có phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục;*

*b) Khối phòng hành chính - quản trị đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;*

*c) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.*

Mức 2:

*a) Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh;*

*b) Có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung.*

Mức 3:

*Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.*

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có đủ các khối phòng phục vụ học tập như: nhà đa năng, phòng học Tiếng Anh, phòng học tin học, thư viện, phòng thiết bị giáo dục, phòng Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, phòng công đoàn; đáp ứng các yêu cầu tối thiểu của hoạt động giáo dục [H3-3.2-01].

Tuy nhiên, do tận dụng các phòng nghệ thuật làm phòng học, nhà trường thiếu phòng dành cho hoạt động âm nhạc, mỹ thuật.

b) Nhà trường có khối phòng hành chính - quản trị đáp ứng các yêu cầu tối thiểu của hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường như: phòng hiệu trưởng, 02 phòng phó hiệu trưởng, phòng tiếp dân, phòng giáo viên, phòng hành chính, phòng y tế, phòng nha, phòng tài vụ và phòng bảo vệ [H3-3.2-01].

c) Nhà trường có khu để xe dành cho giáo viên và học sinh riêng biệt; có mái che, ở gần cổng chính, đảm bảo an toàn, trật tự, mỹ quan chung [H3-3.1-02].

#### Mức 2:

a) Nhà trường có khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị theo đúng quy định tại Điều 40 của Điều lệ trường tiểu học, Điều 5 Khoản 1 Điểm a của Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 về ban hành quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông như: phòng thư viện 75 m<sup>2</sup>, phòng thiết bị 60 m<sup>2</sup>, phòng đoàn thể 30 m<sup>2</sup>, phòng hiệu trưởng 30 m<sup>2</sup>, phòng phó hiệu trưởng 1: 30 m<sup>2</sup>, phòng phó hiệu trưởng 2: 70 m<sup>2</sup>, phòng tài vụ 30 m<sup>2</sup>, phòng nghệ thuật 30 m<sup>2</sup>, phòng hành chính 30 m<sup>2</sup>, phòng bảo vệ 16 m<sup>2</sup>, phòng tiếp dân 60 m<sup>2</sup>. Khu bếp bán trú và kho 300 m<sup>2</sup> đảm bảo điều kiện an toàn, vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.2-01]; [H1-1.10-04].

Do số học sinh ngày càng tăng, nhà trường tận dụng nhà ăn, nhà nghỉ của học sinh bán trú làm phòng học.

b) Nhà trường có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung; đồng thời, tại mỗi phòng làm việc, đều có tủ hồ sơ riêng; được sắp xếp khoa học, sạch sẽ [H3-3.2-02].

#### Mức 3:

Khối phòng phục vụ học tập, khối phòng hành chính - quản trị của nhà trường có đầy đủ các thiết bị thiết yếu; được sắp xếp hợp lý, khoa học; có hệ thống

wifi toàn trường, các máy tính đều được nối mạng internet; hỗ trợ hiệu quả các hoạt động chung của nhà trường [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02].

## **2. Điểm mạnh**

Khối phòng phục vụ học tập, khối phòng hành chính - quản trị được trang bị đầy đủ các thiết bị, máy tính có nối mạng internet, phục vụ tốt cho công tác quản lý, hoạt động dạy - học và giáo dục.

## **3. Điểm yếu**

Do số học sinh ngày càng tăng, nhà trường phải thay đổi chức năng nhà ăn, nhà nghỉ của học sinh bán trú và phòng nghệ thuật thành các phòng học, ảnh hưởng không ít đến hoạt động giáo dục chung của toàn trường.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 3 năm 2022, hiệu trưởng tiếp tục tham mưu với Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Tây có kế hoạch phân tuyến giảm dần số học sinh đầu vào (lớp 1); đồng thời, chuyển dần các phòng học về đúng chức năng ban đầu.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.**

### ***Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước***

Mức 1:

*a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;*

*b) Hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;*

*c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.*

Mức 2:

*a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;*

*b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.*

## **1. Mô tả hiện trạng**



Mức 1:

a) Trường có 28 khu vệ sinh riêng biệt nam, nữ: 12 khu dành cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (khu A - 10, khu B - 02) và 16 khu dành cho học sinh (khu A - 12, khu B - 4); được bố trí hợp lý, đảm bảo không ô nhiễm môi trường [H3-3.2-01].

Tuy nhiên, nhà trường chưa có khu vệ sinh dành riêng cho học sinh khuyết tật học hòa nhập.

b) Nhà trường có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.4-01]; hệ thống nước máy dùng cho sinh hoạt chung của toàn trường [H3-3.4-02]. Nước uống hiệu I-on Life đảm bảo vệ sinh, an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.4-03].

c) Nhà trường có khu tập trung rác riêng biệt, có mái che; hợp đồng với Công ty Dịch vụ Công ích thành phố Thủ Đức thu gom rác, xử lý chất thải hàng ngày, đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.1-02]; [H3-3.4-04].

Do xung quanh khuôn viên trường có di tích lịch sử của thành phố Thủ Đức, nhà dân nên nhà trường bố trí một góc phía trước mặt tiền làm khu tập trung rác, ảnh hưởng không nhỏ đến mỹ quan chung của toàn trường.

Mức 2:

a) Nhà trường bố trí khu vệ sinh dành cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh ở vị trí hợp lý, thuận tiện; quy cách đúng quy định và đảm bảo vệ sinh môi trường. Trường có 12 nhà vệ sinh dành riêng cho giáo viên (06 nam, 06 nữ); 16 nhà vệ sinh dành cho học sinh (08 nam, 08 nữ). Tổng diện tích khu vực vệ sinh là 280 m<sup>2</sup> không đảm bảo yêu cầu của Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H3-3.2-01].

b) Nhà trường có hệ thống cấp nước sạch cho mọi sinh hoạt của toàn trường [H3-3.4-02]; có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.4-01]; có hợp đồng thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế [H3-3.4-04].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường bố trí các khu vệ sinh riêng biệt, hợp lý dành cho cán bộ quản

lý, giáo viên, nhân viên và học sinh; có hệ thống cấp, thoát nước, thu gom rác và xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

### **3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa có khu vệ sinh dành riêng cho học sinh khuyết tật học hòa nhập; bố trí vị trí tập trung rác chưa hợp lý.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 3 năm 2022, hiệu trưởng tham mưu cùng Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Tây, chọn vị trí tập trung rác hợp lý hơn; sắp xếp lại để có khu vệ sinh dành riêng cho học sinh khuyết tật học hòa nhập.

### **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.**

#### ***Tiêu chí 3.5: Thiết bị***

Mức 1:

*a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;*

*b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;*

*c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.*

Mức 2:

*a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý hoạt động dạy học;*

*b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;*

*c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.*

Mức 3:

*Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có đầy đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ hoạt động chung của nhà trường như: máy vi tính, máy in văn phòng, bảng tương tác, máy tính xách tay, ti-vi, đầu máy, máy chiếu, máy photocopy, máy scan, máy

vi tính dành cho học sinh học tin học; tất cả đều được nối mạng internet [H3-3.2-02]; [H3-3.5-01].

Tuy nhiên, với yêu cầu ngày càng cao của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, nhà trường chưa mua sắm được các thiết bị dạy học hiện đại (bảng tương tác đa điểm chạm, ti-vi thông minh, ...).

b) Nhà trường có đầy đủ thiết bị dạy học, đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định tại Điều 41 của Điều lệ trường tiểu học [H3-3.5-01].

c) Hằng năm, nhà trường có kế hoạch kiểm kê các thiết bị dạy học định kỳ vào cuối học kỳ I và cuối năm học, có ghi nhận biên bản cụ thể [H2-2.3-01]; đồng thời, có kế hoạch sửa chữa các thiết bị tùy theo từng mức độ.

#### Mức 2:

a) Hệ thống máy tính của toàn trường đều được kết nối internet, phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy - học và giáo dục; cụ thể: 13 máy tính phục vụ công tác quản lý và 86 máy tính phục vụ hoạt động dạy học [H2-2.3-01]; [H3-3.5-02].

b) Nhà trường có đầy đủ thiết bị dạy học theo quy định tại Điều 41 của Điều lệ trường tiểu học: bảng, hệ thống tranh ảnh, bảng tương tác, máy chiếu, ... [H3-3.5-01].

c) Hằng năm, nhà trường có kế hoạch bổ sung các thiết bị dạy học tùy theo nhu cầu thực tế [H3-3.5-03]. Ngoài ra, giáo viên và học sinh còn tự làm các đồ dùng dạy - học phù hợp, hiệu quả [H1-1.7-10].

#### Mức 3:

Hằng năm, nhà trường có kế hoạch, tạo điều kiện cho giáo viên mượn thiết bị, đồ dùng dạy học; đảm bảo 100% giờ dạy trên lớp có sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục toàn trường [H3-3.5-04].

Hằng năm, nhà trường tổ chức hội thi giáo viên tự làm đồ dùng dạy học nhằm từng bước nâng cao kỹ năng vận dụng công nghệ thông tin vào dạy - học, trau dồi thêm nghiệp vụ và khai thác thế mạnh của từng giáo viên; làm tăng thêm hiệu quả tiết dạy [H1-1.7-10].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ thiết bị phục vụ công tác hành chính - quản trị và dạy học, đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục; đồng thời, tạo sân chơi cho giáo viên, học sinh nhằm khai thác triệt để thế mạnh của từng người với những thiết bị dạy - học tự làm.

## **3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa mua sắm được các thiết bị dạy học hiện đại, phục vụ cho Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 3 năm 2022, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch đề xuất, thực hiện tốt hơn công tác xã hội hóa để có thêm thiết bị dạy học hiện đại, đáp ứng yêu cầu đổi mới trong thực tế.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.**

### ***Tiêu chí 3.6: Thư viện***

Mức 1:

*a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học;*

*b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu hoạt động dạy học của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;*

*c) Hằng năm, thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.*

Mức 2:

*Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.*

Mức 3:

*Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Thư viện trường được trang bị đầy đủ các loại sách nghiệp vụ, sách giáo khoa; bản đồ Việt Nam, Châu Á và thế giới; tranh ảnh giáo dục cho từng khối lớp; băng đĩa giáo khoa, nhất là tiếng Anh và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học theo hướng dẫn tại Điều 42 của Điều lệ trường tiểu học [H3-3.6-01].

Ngoài ra, nhà trường trang bị thêm một số tạp chí, báo như: Thế giới trong ta, Tạp chí Giáo dục, báo Thanh Niên, ... để cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham khảo [H3-3.6-02].

b) Hằng năm, thư viện xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể, khai thác triệt để nhằm đáp ứng yêu cầu tối thiểu hoạt động dạy - học của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh; có giờ đọc sách cho từng lớp nhằm hình thành dần thói quen đọc sách cho các em [H3-3.6-03].

Thư viện có lực lượng cộng tác viên khoảng 20 em, thay phiên phục vụ nhu cầu đọc cho các bạn vào giờ chơi; nhưng do học sinh quá đông, thư viện gặp không ít khó khăn.

c) Hằng năm, thư viện của nhà trường được kiểm kê vào cuối học kỳ I, cuối năm học, có ghi nhận biên bản cụ thể [H2-2.3-01]; từ đó, có kế hoạch bổ sung thêm sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo [H3-3.6-04].

#### Mức 2:

Từ năm học 2016-2017 đến nay, thư viện của nhà trường được Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức xếp loại “Thư viện trường học xuất sắc” [H3-3.6-05].

#### Mức 3:

Từ năm học 2016-2017 đến nay, thư viện của nhà trường được Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức xếp loại “Thư viện trường học xuất sắc” [H3-3.6-05].

Thư viện có hệ thống máy tính nối mạng internet dành riêng cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh nghiên cứu; đáp ứng hoạt động dạy học và

các hoạt động khác của nhà trường (02 máy cho giáo viên, 02 máy cho học sinh) [H3-3.2-02].

## **2. Điểm mạnh**

Thư viện trường trang bị đầy đủ các loại sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ nghiên cứu, hoạt động dạy học của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Nhiều năm liền, thư viện trường đạt danh hiệu “Thư viện trường học xuất sắc”.

## **3. Điểm yếu**

Số lượng học sinh đông, việc phục vụ nhu cầu đọc vào giờ chơi còn gặp nhiều khó khăn.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 3 năm 2022, cán bộ quản lý phụ trách thư viện chỉ đạo tăng cường thêm đội cộng tác viên, có lịch cụ thể thay phiên hỗ trợ nhân viên thư viện (khoảng 20 em/ngày) nhằm phục vụ nhu cầu đọc của học sinh tốt hơn, hiệu quả hơn.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.**

### **Kết luận về tiêu chuẩn 3**

#### **Điểm mạnh nổi bật**

Nhà trường có nhiều cây xanh, bóng mát; khuôn viên rộng, sạch, đẹp, an toàn; cơ sở vật chất được xây dựng, trang bị theo mô hình của trường Chuẩn Quốc gia, đúng quy định của Điều lệ trường tiểu học về quy định khuôn viên, biển trường, tường rào, sân chơi, bãi tập, phòng học, thư viện, thiết bị, các công trình vệ sinh, nhà vệ sinh, hệ thống nước sạch,...; phục vụ tốt cho công tác quản lý, dạy và học, đạt hiệu quả.

#### **Điểm yếu cơ bản**

Trường chưa trang bị được thiết bị dạy - học hiện đại, phục vụ tốt hơn cho Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.**

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06.**

## **Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

### **Mở đầu**

Nhà trường, gia đình và xã hội là 03 môi trường luôn phải phối hợp chặt chẽ với nhau trong việc giáo dục trẻ phát triển toàn diện.

Nhà trường tạo mọi điều kiện thuận lợi để ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động; tham mưu với cấp ủy Đảng các nội dung về giáo dục phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và thực tế đơn vị; phối hợp tốt với chính quyền, các tổ chức, đoàn thể ở địa phương nhằm góp phần thúc đẩy các hoạt động giáo dục trong nhà trường ngày càng ổn định, phát triển, nâng cao dân chất lượng giáo dục.

### ***Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh***

Mức 1:

*a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*

*b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*

*c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

Mức 2:

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.*

Mức 3:

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập đúng quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh và hoạt động theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức.

Tại buổi họp cha mẹ học sinh đầu mỗi năm học, các lớp bầu chọn ban đại diện cha mẹ học sinh lớp (gồm 01 trưởng ban, 01 phó trưởng ban và 01 thư ký).

Đó là những người nhiệt huyết, quan tâm và trách nhiệm [H4-4.1-01]. Sau đó, nhà trường tổ chức đại hội đại biểu cha mẹ học sinh để bầu ra ban đại diện cha mẹ học sinh trường [H4-4.1-02].

Nhà trường tổ chức họp cha mẹ học sinh các lớp 03 lần/năm học. Các nội dung đều được công khai, thảo luận dân chủ và thống nhất hành động [H4-4.1-03]. Tuy nhiên, hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp Tiếng Anh Đề án (02 buổi, không bán trú) chưa đồng bộ, ảnh hưởng không nhỏ đến các công trình xã hội hóa của toàn trường.

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức và đúng quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh; có kế hoạch và chương trình hoạt động cụ thể trong từng năm học như: tuyên truyền cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ chăm sóc, bảo vệ học sinh, góp phần xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh; tích cực tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương; thu thập thông tin của toàn xã hội, phản ánh, trao đổi, góp ý trực tiếp với nhà trường những vấn đề liên quan công tác giáo dục trong nhà trường [H4-4.1-02].

c) Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động, tổ chức thực hiện các nội dung đúng tiến độ của kế hoạch [H1-1.1-06].

#### Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh luôn phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hỗ trợ hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương, chính sách về giáo dục đến cha mẹ học sinh toàn trường; cùng huy động học sinh đến trường; hỗ trợ chăm lo học sinh có hoàn cảnh khó khăn bằng những suất học bổng, quà Tết [H1-1.1-06]; [H4-4.1-04].

#### Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh luôn phối hợp chặt chẽ với nhà trường, địa phương trong việc thực hiện tốt các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh; thường xuyên trao đổi, nắm bắt thông tin của nhà trường để kịp thời phản ánh khi nhận được ý kiến đóng góp của cha mẹ học sinh; phối



hợp cùng nhà trường, địa phương trong việc đảm bảo an toàn, an ninh trật tự, tạo môi trường sư phạm lành mạnh [H1-1.1-06].

## **2. Điểm mạnh**

Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức và đúng quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

## **3. Điểm yếu**

Ban đại diện cha mẹ học sinh của các lớp Tiếng Anh Đề án (02 buổi, không bán trú) hoạt động chưa đồng bộ, ảnh hưởng không nhỏ đến các công trình xã hội hóa của toàn trường.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 3 năm 2022, hiệu trưởng tiếp tục tạo điều kiện, tư vấn để Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, của lớp phát huy hiệu quả các hoạt động chăm sóc, giáo dục toàn diện học sinh; đồng thời, lưu ý việc bầu chọn những người thật sự tâm huyết, có trách nhiệm vào ban đại diện cha mẹ học sinh.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.**

***Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường***

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

*b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.*

Mức 3:

*Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

a) Nhà trường chủ động tham mưu về kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, biện pháp cụ thể để tổ chức các hoạt động như: huy động trẻ ra lớp, an ninh trật tự, an toàn xã hội, an toàn giao thông trước cổng trường, ...; phối hợp với cấp ủy Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Tây về kế hoạch giáo dục với các biện pháp cụ thể để phát triển toàn diện nhà trường, nâng cao chất lượng dạy học và giáo dục [H1-1.3-17].

b) Nhà trường thường xuyên tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường đến cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng qua bảng thông tin (sảnh A, trước cổng trường), eNetViet, website, Facebook, Zalo, ... nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của mỗi người [H1-1.6-08].

c) Nhà trường huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định. Ban đại diện cha mẹ học sinh hỗ trợ khen thưởng học sinh cuối năm học; phát học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học giỏi; phát quà cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn vào dịp trung thu, tết. Mạnh thường quân của nhà trường hỗ trợ lắp ráp camera, bảo đảm an ninh, an toàn trường học [H4-4.2-01]. Tuy nhiên, công trình của cha mẹ học sinh năm học 2019-2020 (mái che sân khu A - mới hoàn thành được khoảng 65%) và năm học 2020-

2021 (dán gạch chân tường phòng học - mới hoàn thành được 07/49 phòng) chưa đạt được kết quả như mong đợi của nhà trường.

#### Mức 2:

a) Nhà trường chủ động tham mưu, xin ý kiến chỉ đạo của cấp ủy Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Tây về kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường từ nay đến 2025 và định hướng đến năm 2030; nhằm tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện thành công, đúng tiến độ như: giảm dần sĩ số học sinh, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, hộ nghèo, sửa chữa cơ sở vật chất, ... [H1-1.3-17].

b) Nhà trường phối hợp cùng Đoàn phường Bình Trưng Tây, Nhà Thiếu nhi thành phố Thủ Đức và chỉ đạo các tổ chức, đoàn thể, cá nhân nhằm giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; định kỳ chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa tại địa phương (Đền tưởng niệm Bình Trưng, Đền tưởng niệm cầu Rạch Chiếc); chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương mỗi dịp lễ, tết [H4-4.2-02].

#### Mức 3:

Nhà trường chủ động tham mưu cấp ủy Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Tây và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân nhằm từng bước xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương vào mỗi dịp lễ, tết: sinh hoạt hè, tết trung thu, các hội diễn văn nghệ quần chúng, tổ chức hoạt động câu lạc bộ (Taekwondo, Vovinam, Karatedo, kỹ năng sống, hội họa, ....) [H4-4.2-03].

### **2. Điểm mạnh**

Nhà trường làm tốt vai trò tham mưu với cấp ủy Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Tây; phối hợp hiệu quả với các tổ chức, đoàn thể của địa phương thực hiện hoạt động giáo dục, huy động các nguồn lực trong xã hội.

### **3. Điểm yếu**

Công trình của cha mẹ học sinh (năm học 2019-2020, 2020-2021) còn gặp khó khăn khi nhà trường thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục.

#### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 3 năm 2022, hiệu trưởng tiếp tục chủ động tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương các nhiệm vụ trọng tâm trong kế hoạch chiến lược; có biện pháp hiệu quả hơn khi vận động nguồn lực đầy tiềm năng từ cha mẹ học sinh nhằm thực hiện thành công các công trình phục vụ việc học tập, giáo dục và sinh hoạt của học sinh.

#### **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.**

#### **Kết luận về tiêu chuẩn 4**

##### **Điểm mạnh nổi bật**

Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường được thành lập và hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Nhà trường luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động, cùng phối hợp trong công tác giáo dục học sinh và xây dựng kế hoạch phát triển đơn vị.

Nhà trường phối hợp tốt với các tổ chức, đoàn thể của địa phương; huy động sự tham gia của cộng đồng để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc cho học sinh.

##### **Điểm yếu cơ bản**

Công trình của cha mẹ học sinh (năm học 2019-2020, 2020-2021) còn gặp khó khăn khi nhà trường thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:** 02/02.

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:** 00/02.

#### **Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục**

##### **Mở đầu**

Trường Tiểu học Giồng Ông Tố, thành phố Thủ Đức thực hiện đầy đủ các hoạt động giáo dục theo kế hoạch dạy học, chương trình giáo dục phổ thông hiện hành và Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Nhà trường chủ động tổ chức nhiều hoạt động giáo dục phong phú, đa dạng, đảm bảo tính toàn diện và có hiệu quả cao. Từng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân

viên và học sinh được tạo mọi điều kiện để chủ động, sáng tạo; vận dụng các phương pháp dạy học tích cực, công nghệ thông tin vào tiết dạy, làm tăng hiệu quả giáo dục. Kế hoạch giáo dục của nhà trường chú trọng giáo dục địa phương, đạo đức truyền thống, kỹ năng sống cho học sinh thông qua giảng dạy các bộ môn văn hóa, các ngày lễ, hội, các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm và các công trình của Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh.

***Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường***

Mức 1:

- a) Đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;*
- b) Đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch;*
- c) Được giải trình và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.*

Mức 2:

- a) Đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;*
- b) Được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

- a) Nhà trường thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện hành và Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hướng dẫn chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức [H1-1.8-01].

- b) Kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện theo đúng quy định tại Điều 17 của Điều lệ trường tiểu học, thông qua các hoạt động được xây dựng cụ thể. Ngoài văn hóa, nhà trường còn chú trọng giáo dục địa phương, truyền thống dân tộc, kỹ năng sống, nghệ thuật; tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa, ... [H1-1.8-01]; [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02]; [H1-1.1-03]; [H5-5.1-03].

c) Kế hoạch giáo dục, kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên của nhà trường đều được giải trình và Trưởng phòng Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức phê duyệt [H1-1.1-03]; [H1-1.7-02].

Mức 2:

a) Đầu năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch năm học [H1-1.1-03], kế hoạch giáo dục [H1-1.8-01] và các kế hoạch hoạt động khác dựa theo kế hoạch chiến lược phát triển, theo đúng quy định tại Điều 17 của Điều lệ trường tiểu học. Đồng thời, nhà trường luôn cập nhật các thông tin, chỉ đạo mới nhất về chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức; điều chỉnh, bổ sung kịp thời thông qua các buổi họp hội đồng sư phạm, sinh hoạt chuyên môn, báo cáo chuyên đề, thực tập sư phạm, ... [H1-1.8-03]; [H1-1.4-06].

Việc vận dụng công nghệ thông tin vào tiết dạy với giáo viên lớn tuổi còn gặp nhiều khó khăn, chưa khai thác triệt để tính năng của các phần mềm nhằm tăng hiệu quả tiết dạy.

b) Kế hoạch giáo dục, các quy định về chuyên môn luôn được nhà trường triển khai cụ thể trong các buổi họp tại đơn vị (Hội đồng sư phạm, sinh hoạt chuyên môn); được niêm yết công khai tại bảng thông tin (sảnh A, trước cổng chính), website, eNetViet, Facebook, Zalo để cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết, phối hợp và giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch [H1-1.8-03]; [H1-1.4-06]; [H1-1.1-02].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện đúng chương trình, mục tiêu, kế hoạch dạy học, đảm bảo chuẩn kiến thức - kỹ năng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh và Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức.

## **3. Điểm yếu**

Việc vận dụng công nghệ thông tin vào tiết dạy với giáo viên lớn tuổi còn gặp nhiều khó khăn, chưa khai thác triệt để tính năng của các phần mềm nhằm tăng hiệu quả tiết dạy.

#### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 3 năm 2022, hiệu trưởng mở câu lạc bộ tin học dành cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trau dồi thêm kỹ năng tin học; khuyến khích giáo viên vận dụng sáng tạo, linh hoạt, hiệu quả công nghệ thông tin vào công tác giảng dạy; tổ chức hội thi thiết kế các trò chơi vận dụng công nghệ thông tin.

#### **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.**

##### ***Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học***

Mức 1:

*a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục;*

*b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường;*

*c) Thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học.*

Mức 2:

*a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;*

*b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.*

Mức 3:

*Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.*

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định tại Điều 17 của Điều lệ trường tiểu học thông qua chương trình giáo dục phổ thông hiện hành và Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 [H1-1.8-01]; [H5-5.2-01].

b) Thực hiện sự chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức, giáo viên của nhà trường vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực như Bàn tay nặn bột, cá thể hóa học sinh, ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác giảng dạy nhằm phát huy phẩm chất và năng lực của từng học sinh; đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện thực tế của nhà trường [H5-5.2-02]; [H1-1.4-06]; [H1-1.4-08].

c) Nhà trường thực hiện việc đánh giá, xếp loại học sinh theo đúng quy định của Thông tư số 30/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 22/2016/BGDĐT và Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT thông qua các lần kiểm tra định kỳ giữa học kỳ I, II (đối với lớp 4, 5) và cuối học kỳ I, cuối năm học (tất cả các khối lớp) [H1-1.8-05]; [H5-5.2-02].

#### Mức 2:

a) Nhà trường thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục được quy định tại Điều 17 của Điều lệ trường tiểu học; thực hiện nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp từng đối tượng học sinh; đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của từng học sinh theo chương trình giáo dục phổ thông hiện hành và Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 [H1-1.8-01]; [H1-1.4-08]; [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02].

b) Qua tuần đầu của năm học, giáo viên nắm được tình hình cụ thể của từng học sinh lớp chủ nhiệm, tự đề xuất các biện pháp phù hợp; tổ chuyên môn tổng hợp và nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch phụ đạo học sinh thống nhất toàn trường [H1-1.8-01]; [H5-5.2-03]. Trong các buổi sinh hoạt chuyên môn, giáo viên cùng học hỏi, trau dồi kinh nghiệm để kịp thời điều chỉnh, bổ sung biện pháp cho phù hợp, hiệu quả với đối tượng học sinh [H1-1.4-06]; [H5-5.2-02].

#### Mức 3:

Trong năm học, nhà trường tổ chức sơ kết, tổng kết nhằm rút kinh nghiệm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục, nhằm từng bước nâng cao chất lượng dạy - học của



giáo viên và học sinh [H1-1.1-04]; [H5-5.2-04]. Tuy nhiên, các hoạt động giáo dục phân hóa theo nhu cầu, sở trường của học sinh do nhà trường tổ chức chưa được phong phú.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định tại Điều 17 của Điều lệ trường tiểu học thông qua chương trình giáo dục phổ thông hiện hành và Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

## **3. Điểm yếu**

Các hoạt động giáo dục phân hóa theo nhu cầu, sở trường của học sinh do nhà trường tổ chức chưa được phong phú.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 3 năm 2022, hiệu trưởng chỉ đạo tiếp tục phát huy các biện pháp mang lại hiệu quả cao; đồng thời, cán bộ quản lý tăng cường chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.**

### ***Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác***

Mức 1:

*a) Đảm bảo theo kế hoạch;*

*b) Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phong phú, phù hợp điều kiện của nhà trường;*

*c) Đảm bảo cho tất cả học sinh được tham gia.*

Mức 2:

*Được tổ chức có hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo.*

Mức 3:

*Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện nhiều loại hình giáo dục khác nhằm giúp học sinh phát triển toàn diện, phát huy phẩm chất và năng lực của từng cá nhân như: hoạt động ngoại khóa, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm, các câu lạc bộ năng khiếu, ...[H1-1.8-01]; [H5-5.1-01].

b) Nhà trường xây dựng kế hoạch có nội dung, hình thức tổ chức các hoạt động đa dạng, phong phú, phù hợp với điều kiện của nhà trường [H1-1.8-01].

Từ năm học 2020-2021, hiệu trưởng chỉ đạo tổng phụ trách Đội phối hợp cùng các đoàn thể, tổ chuyên môn (khối 1, 2) tổ chức tiết sinh hoạt dưới cờ lồng ghép tiết Hoạt động trải nghiệm, tăng hiệu quả giáo dục; đồng thời, tiết sinh hoạt trở nên sinh động và thu hút học sinh hơn [H5-5.3-01].

Để chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, Tết Trung thu, Tết Nguyên đán, giỗ Quốc tổ Hùng Vương, hằng năm, nhà trường phối hợp cùng các đoàn thể tổ chức sân chơi cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh như: hội diễn văn nghệ, hội thao, hội thi làm lồng đèn, nấu bánh chưng, kết mâm hoa quả, ...[H5-5.3-02].

c) Các kế hoạch của nhà trường đều được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị và từng đối tượng học sinh [H1-1.8-01]; [H5-5.1-01]. Các em tham gia rất nhiệt tình, tích cực, cạnh tranh lành mạnh để mang những thành tích cao nhất về cho lớp mình.

Ý tưởng tổ chức buổi cắm trại cho học sinh lớp 5 trước khi rời mái trường tiểu học, giúp các em có dịp hiểu nhau hơn, đoàn kết hơn, có nhiều kỷ niệm với nhau hơn chưa thành hiện thực do nhiều lý do chủ quan lẫn khách quan.

Mức 2:

Các hoạt động giáo dục được nhà trường tổ chức có hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo; các em trở nên mạnh dạn, tự tin hơn trong giao tiếp [H5-5.1-01]; [H5-5.3-02].

Mức 3:

Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa dưới hình thức câu lạc bộ, cho học sinh đăng ký tham gia theo nhu cầu, sở thích, năng lực sở trường như: Taekwondo, Karatedo, Vovinam, hội họa, nhảy hiện đại, bóng đá, bóng rổ, Tiếng Anh, Tin học, kỹ năng sống... [H5-5.1-01].

Năm học 2020-2021 và học kỳ I năm học 2021-2022, vì dịch bệnh COVID-19, nhà trường chưa tổ chức được các chuyến sinh hoạt ngoại khóa cho học sinh.

## **2. Điểm mạnh**

Ngoài văn hóa, nhà trường còn chú trọng tổ chức các hoạt động: giáo dục địa phương, truyền thống dân tộc, ngoại khóa, ... vừa tạo sân chơi, vừa giúp học sinh phát triển toàn diện.

## **3. Điểm yếu**

Năm học 2020-2021 và học kỳ I năm học 2021-2022, vì dịch bệnh COVID-19, nhà trường chưa tổ chức được các chuyến sinh hoạt ngoại khóa cho học sinh.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 3 năm 2022, hiệu trưởng chỉ đạo tiếp tục tổ chức các hoạt động ngoại khóa, nhất là các câu lạc bộ; đồng thời, sẽ chủ động, linh hoạt hơn trong kế hoạch tổ chức sinh hoạt ngoại khóa ngoài nhà trường, vừa bảo đảm công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19, vừa tạo sân chơi bổ ích cho học sinh.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.**

### ***Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học***

Mức 1:

- a) Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo phân công;*
- b) Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 90%;*
- c) Quản lý hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng quy định.*

Mức 2:

*Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 95%.*

Mức 3:

*Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 98%.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh huy động trẻ 6 tuổi ra lớp theo chỉ tiêu phân tuyến của Ban Chỉ đạo tuyển sinh thành phố Thủ Đức; thực hiện tốt nhiệm vụ phổ cập giáo dục, chống lưu ban, bỏ học [H1-1.6-01]; [H2-2.4-01]; [H5-5.4-01].

Tuy nhiên, một số cha mẹ học sinh chưa quan tâm đến việc đăng ký nhập học (lớp 1) cho con; nhà trường phối hợp cùng giáo viên chuyên trách, Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Tây thông báo nhiều lần mới hoàn thành hồ sơ.

b) Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch, thực hiện công tác tuyển sinh lớp 1 theo phân tuyến trên địa bàn phường Bình Trưng Tây; tỷ lệ trẻ em 6 tuổi ra lớp luôn đạt 100%; không có trường hợp học sinh học sớm tuổi [H1-1.6-01]; [H2-2.4-01].

c) Hằng năm, bộ phận học vụ thực hiện cập nhật đầy đủ sổ đăng bộ, hồ sơ tuyển sinh, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học và lưu trữ đúng quy định [H1-1.6-01]; [H2-2.4-01]; [H5-5.4-02].

Mức 2:

Nhiều năm liền, nhà trường xây dựng kế hoạch, thực hiện công tác tuyển sinh lớp 1 theo phân tuyến trên địa bàn phường Bình Trưng Tây; tỷ lệ trẻ em 6 tuổi ra lớp luôn đạt 100% [H1-1.6-01]; [H2-2.4-01].

Mức 3:

Nhà trường thực hiện công tác tuyển sinh lớp 1 theo phân tuyến của Ban Chỉ đạo tuyển sinh thành phố Thủ Đức trên địa bàn phường Bình Trưng Tây; tỷ lệ trẻ em 6 tuổi ra lớp luôn đạt 100% [H1-1.6-01]; [H2-2.4-01].

### **2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện tốt công tác tuyển sinh, phổ cập giáo dục tiểu học; tỷ lệ trẻ em 6 tuổi ra lớp 1 luôn đạt 100%; không có trường hợp học sinh học sớm tuổi.

### 3. Điểm yếu

Còn cha mẹ học sinh chưa quan tâm đến việc đăng ký nhập học (lớp 1) cho con; nhà trường phối hợp cùng giáo viên chuyên trách, Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Tây thông báo nhiều lần mới hoàn thành hồ sơ.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ tháng 3 năm 2022, hiệu trưởng đề nghị Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Tây chỉ đạo giáo viên chuyên trách phối hợp chặt chẽ hơn với tổ dân phố, vận động cha mẹ học sinh thực hiện đăng ký nhập học lớp 1 cho con sớm hơn.

### 5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

#### *Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục*

Mức 1:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 70%;
- b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 65%;
- c) Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80% đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%.

Mức 2:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 85%;
- b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

Mức 3:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%.
- b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

### 1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Nhà trường thực hiện dạy đúng, đủ chương trình theo quy định tại Điều 17 của Điều lệ trường tiểu học với chương trình giáo dục phổ thông hiện hành và

Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, phát huy phẩm chất và năng lực từng học sinh; do vậy, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học luôn đạt từ 99% trở lên kể từ năm học 2016-2017 đến nay [H5-5.5-01].

| Số liệu                      | Năm học<br>2016 -<br>2017 | Năm học<br>2017 -<br>2018 | Năm học<br>2021 –<br>2022 | Năm học<br>2019 -<br>2020 | Năm học<br>2020 -<br>2021 |
|------------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Tỷ lệ học<br>sinh lưu<br>ban | 0,1%                      | 0,1%                      | 0,5%                      | 0,5%                      | 0,4%                      |

Số học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học chủ yếu là các em khuyết tật học hòa nhập [H5-5.5-02].

b) Nhiều năm liền, nhờ vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, linh động với mô hình Trường học mới, tỷ lệ học sinh 11 tuổi của nhà trường hoàn thành chương trình tiểu học luôn đạt 100% [H5-5.5-03].

c) Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi của nhà trường luôn hoàn thành chương trình tiểu học 100% [H5-5.5-03].

Mức 2:

a) Hằng năm, nhà trường có tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt từ 99% trở lên [H5-5.5-01].

b) Nhà trường có tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học luôn đạt 100% [H5-5.5-03].

Mức 3:

a) Nhà trường có tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học luôn đạt trên 99% [H5-5.5-01].

b) Nhà trường có tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100% nhiều năm liền [H5-5.5-03].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có tỷ lệ hoàn thành chương trình lớp học đạt trên 99%, hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100% nhiều năm liền.

### **3. Điểm yếu**

Nhà trường vẫn còn học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học, tập trung chủ yếu vào học sinh khuyết tật học hòa nhập.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 3 năm 2022, hiệu trưởng chỉ đạo tiếp tục phát huy kết quả giáo dục đã đạt được; đồng thời, cán bộ quản lý tổ chức thêm các lớp bồi dưỡng cách giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập; có kế hoạch với các biện pháp cụ thể, hiệu quả hơn để nâng dần số học sinh hoàn thành chương trình lớp học.

### **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.**

### **Kết luận về tiêu chuẩn 5**

#### **Điểm mạnh nổi bật**

Nhà trường thực hiện dạy đúng, đủ các môn học theo chương trình giáo dục phổ thông hiện hành và Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; có kế hoạch giáo dục với các biện pháp cụ thể, hiệu quả; tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt trên 99%, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100% nhiều năm liền.

#### **Điểm yếu cơ bản**

Nhà trường vẫn còn học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học, tập trung chủ yếu vào học sinh khuyết tật học hòa nhập.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:** 05/05.

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:** 00/05.

### **Phần III. KẾT LUẬN CHUNG**

Thông qua việc kiểm định chất lượng giáo dục, nhà trường xác định được điểm mạnh, điểm yếu trong quá trình tổ chức, hoạt động, đề ra chiến lược phát triển cụ thể và hiệu quả hơn về: công tác tổ chức quản lý nhà trường; chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh; công tác quản lý tài chính và cơ sở vật chất; sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội; hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục.

Căn cứ vào Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học và Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông, Hội đồng tự đánh giá của Trường Tiểu học Giồng Ông Tố, thành phố Thủ Đức kết luận cụ thể như sau:

- Mức 1:

|                              |       |              |
|------------------------------|-------|--------------|
| Số lượng tiêu chí đạt:       | 27/27 | Tỷ lệ: 100%. |
| Số lượng tiêu chí không đạt: | 00/27 | Tỷ lệ: 00%.  |

- Mức 2:

|                              |       |               |
|------------------------------|-------|---------------|
| Số lượng tiêu chí đạt:       | 23/27 | Tỷ lệ: 85,2%. |
| Số lượng tiêu chí không đạt: | 04/27 | Tỷ lệ: 14,8%. |

- Mức 3:

|                              |       |               |
|------------------------------|-------|---------------|
| Số lượng tiêu chí đạt:       | 12/19 | Tỷ lệ: 63,2%. |
| Số lượng tiêu chí không đạt: | 07/19 | Tỷ lệ: 36,8%. |

- Mức đánh giá của Trường Tiểu học Giồng Ông Tố: Mức 1.

Căn cứ Điều 34 của Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học, Trường Tiểu học Giồng Ông Tố, thành phố Thủ Đức đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1.

Từ tháng 3 năm 2022 và những năm học tiếp theo, nhà trường sẽ tích cực chủ động tham mưu với lãnh đạo các cấp và tự phấn đấu khắc phục những hạn chế còn tồn tại, có kế hoạch cải tiến chất lượng nhằm từng bước đưa nhà trường đạt cấp độ cao hơn./.

*Thành phố Thủ Đức, ngày 14 tháng 02 năm 2022*

**HIỆU TRƯỞNG**



**Trần Thị Ngọc Diễm**

### Phần III. PHỤ LỤC

#### Bảng danh mục mã minh chứng

| Tiêu chí     | Số TT | Mã Minh chứng | Tên minh chứng                                                                                           | Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát, ...                        | Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện | Ghi chú (nơi lưu trữ)                                       |
|--------------|-------|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| Tiêu chí 1.1 | 1     | [H1-1.1-01]   | Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Tiểu học Giồng Ông Tố giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 | Số 100/KH-GOT ngày 12 tháng 10 năm 2020                                                               | Hiệu trưởng                               | Phòng hiệu trưởng                                           |
|              | 2     | [H1-1.1-02]   | Cổng thông tin điện tử                                                                                   | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Phó hiệu trưởng                           | <a href="https://bit.ly/33fkvTV">https://bit.ly/33fkvTV</a> |
|              | 3     | [H1-1.1-03]   | Kế hoạch năm học (Kế hoạch giáo dục)                                                                     | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng                               | Phòng hiệu trưởng                                           |
|              | 4     | [H1-1.1-04]   | Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học                                                                         | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng                               | Phòng hiệu trưởng                                           |

|                 |   |             |                                                     |                                                                                                       |                                                      |                      |
|-----------------|---|-------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------|
|                 | 5 | [H1-1.1-05] | Sổ họp Hội đồng trường                              | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng                                          | Phòng<br>hiệu trưởng |
|                 | 6 | [H1-1.1-06] | Sổ họp Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường      | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng                                          | Phòng<br>hiệu trưởng |
| Tiêu chí<br>1.2 | 1 | [H1-1.2-01] | Quyết định thành lập Hội đồng trường                | Giai đoạn 2017-2022                                                                                   | Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 2 (thành phố Thủ Đức) | Phòng<br>hành chính  |
|                 | 2 | [H1-1.2-02] | Quyết định thành lập Hội đồng thi đua - khen thưởng | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng                                          | Phòng<br>hành chính  |
|                 | 3 | [H1-1.2-03] | Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh lớp 1      | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng                                          | Phòng<br>hành chính  |

|  |   |             |                                                               |                                                                                                       |             |                       |
|--|---|-------------|---------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------|
|  | 4 | [H1-1.2-04] | Quyết định thành lập Hội đồng khoa học (chăm sóc kiến)        | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng hành chính      |
|  | 5 | [H1-1.2-05] | Quyết định thành lập Hội đồng xét duyệt lên lớp, kiểm tra lại | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng hành chính      |
|  | 6 | [H1-1.2-06] | Quy chế hoạt động Hội đồng trường                             | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng hành chính      |
|  | 7 | [H1-1.2-07] | Kế hoạch hoạt động Hội đồng trường                            | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng hành chính      |
|  | 8 | [H1-1.2-08] | Biên bản họp Hội đồng xét duyệt lên lớp, kiểm tra lại         | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng phó hiệu trưởng |

|              |    |             |                                                  |                                                                                                       |                                      |                  |
|--------------|----|-------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|------------------|
|              | 9  | [H1-1.2-09] | Biên bản họp Hội đồng khoa học (chăm sóc kiến)   | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng                          | Phòng hành chính |
|              | 10 | [H1-1.2-10] | Biên bản họp Hội đồng thi đua - khen thưởng      | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng                          | Phòng hành chính |
| Tiêu chí 1.3 | 1  | [H1-1.3-01] | Quyết định chuẩn y Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Liên đoàn Lao động thành phố Thủ Đức | Phòng đoàn thể   |
|              | 2  | [H1-1.3-02] | Quyết định chuẩn y Ban Chấp hành Chi đoàn        | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Thành đoàn thành phố Thủ Đức         | Phòng đoàn thể   |
|              | 3  | [H1-1.3-03] | Quyết định công nhận Ban Chỉ huy Liên đội        | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hội đồng Đội thành phố Thủ Đức       | Phòng đoàn thể   |

|  |   |             |                                                       |                                                                                                       |                                  |                  |
|--|---|-------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------------------|
|  | 4 | [H1-1.3-04] | Quyết định thành lập Sao Nhi đồng; danh sách đội viên | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Tổng phụ trách Đội               | Phòng đoàn thể   |
|  | 5 | [H1-1.3-05] | Quyết định thành lập Chi hội Khuyến học               | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hội Khuyến học thành phố Thủ Đức | Phòng hành chính |
|  | 6 | [H1-1.3-06] | Quyết định thành lập Hội Chữ đỏ                       | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng                      | Phòng y tế       |
|  | 7 | [H1-1.3-07] | Sổ họp Công đoàn cơ sở                                | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Chủ tịch công đoàn               | Phòng công đoàn  |
|  | 8 | [H1-1.3-08] | Sổ họp Chi đoàn                                       | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Bí thư chi đoàn                  | Phòng đoàn thể   |

|  |    |             |                                                                |                                                                                                       |                       |                   |
|--|----|-------------|----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------|
|  | 9  | [H1-1.3-09] | Sổ hợp Liên đội                                                | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Tổng phụ<br>trách Đội | Phòng<br>đoàn thể |
|  | 10 | [H1-1.3-10] | Báo cáo sơ kết; báo cáo tổng kết<br>của Công đoàn cơ sở        | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Chủ tịch<br>công đoàn | Phòng<br>đoàn thể |
|  | 11 | [H1-1.3-11] | Báo cáo sơ kết; báo cáo tổng kết<br>của Chi đoàn               | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Bí thư<br>chi đoàn    | Phòng<br>đoàn thể |
|  | 12 | [H1-1.3-12] | Báo cáo sơ kết, báo cáo tổng kết<br>họat động Đội của Liên đội | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Tổng phụ<br>trách Đội | Phòng<br>đoàn thể |
|  | 13 | [H1-1.3-13] | Biên bản giới thiệu quần chúng<br>ưu tú cho công đoàn cơ sở    | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Chủ tịch<br>công đoàn | Phòng<br>đoàn thể |

|  |    |             |                                                  |                                                                                                       |                                                              |                   |
|--|----|-------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-------------------|
|  | 14 | [H1-1.3-14] | Biên bản giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Chi đoàn | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Bí thư chi đoàn                                              | Phòng đoàn thể    |
|  | 15 | [H1-1.3-15] | Giấy khen Chi bộ                                 | Năm 2016, 2017, 2018, 2019                                                                            | Thành ủy thành phố Thủ Đức;<br>Đảng ủy phường Bình Trưng Tây | Phòng hiệu trưởng |
|  | 16 | [H1-1.3-16] | Quyết định chuẩn y Cấp ủy Chi bộ                 | Năm 2019                                                                                              | Phường Bình Trưng Tây                                        | Phòng hiệu trưởng |
|  | 17 | [H1-1.3-17] | Biên bản họp Chi bộ                              | Năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020                                                                      | Bí thư Chi bộ                                                | Phòng hiệu trưởng |
|  | 18 | [H1-1.3-18] | Quyết định công nhận công đoàn cơ sở xuất sắc    | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Liên đoàn Lao động thành phố Thủ Đức                         | Phòng đoàn thể    |
|  | 19 | [H1-1.3-19] | Quyết định công nhận chi đoàn xuất sắc           | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Thành đoàn thành phố Thủ Đức                                 | Phòng đoàn thể    |



|              |    |             |                                                  |                                                                                                               |                                                         |                       |
|--------------|----|-------------|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|-----------------------|
|              | 20 | [H1-1.3-20] | Quyết định công nhận liên đội xuất sắc           | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021         | Hội đồng Đội thành phố Thủ Đức                          | Phòng đoàn thể        |
|              | 21 | [H1-1.3-21] | Giấy khen Hội Khuyến học                         | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021         | Hội Khuyến học phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức | Phòng hiệu trưởng     |
| Tiêu chí 1.4 | 1  | [H1-1.4-01] | Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng                  | Năm học 2019-2020                                                                                             | Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức                       | Phòng hành chính      |
|              | 2  | [H1-1.4-02] | Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng              | Phó Hiệu trưởng 1: năm học 2013-2014; 2016-2017; 2018-2019<br>Phó Hiệu trưởng 2: năm học 2018-2019, 2019-2020 | Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức                       | Phòng hành chính      |
|              | 3  | [H1-1.4-03] | Quyết định phân công tổ chuyên môn, tổ văn phòng | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021         | Hiệu trưởng                                             | Phòng hành chính      |
|              | 4  | [H1-1.4-04] | Kế hoạch hoạt động tổ chuyên môn, tổ văn phòng   | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021         | Tổ trưởng                                               | Phòng phó hiệu trưởng |

|  |   |             |                                           |                                                                                                       |                 |                       |
|--|---|-------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------|
|  | 5 | [H1-1.4-05] | Kế hoạch chuyên đề, thực tập sư phạm      | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Tổ trưởng       | Phòng phó hiệu trưởng |
|  | 6 | [H1-1.4-06] | Sổ họp tổ chuyên môn, tổ văn phòng        | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Tổ trưởng       | Phòng phó hiệu trưởng |
|  | 7 | [H1-1.4-07] | Biên bản kiểm tra hồ sơ sổ sách           | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Phó hiệu trưởng | Phòng phó hiệu trưởng |
|  | 8 | [H1-1.4-08] | Phiếu dự giờ giáo viên của cán bộ quản lý | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Phó hiệu trưởng | Phòng phó hiệu trưởng |
|  | 9 | [H1-1.4-09] | Báo cáo chuyên đề học kỳ I, học kỳ II     | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Phó hiệu trưởng | Phòng phó hiệu trưởng |

|                 |   |             |                                       |                                                                                                       |                     |                       |
|-----------------|---|-------------|---------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------|
| Tiêu chí<br>1.5 | 1 | [H1-1.5-01] | Quyết định phân công nhiệm vụ năm học | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng         | Phòng hành chính      |
|                 | 2 | [H1-1.5-02] | Sổ chủ nhiệm                          | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Giáo viên chủ nhiệm | Phòng phó hiệu trưởng |
| Tiêu chí<br>1.6 | 1 | [H1-1.6-01] | Sổ đăng bộ                            | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Nhân viên học vụ    | Phòng hành chính      |
|                 | 2 | [H1-1.6-02] | Sổ phổ cập giáo dục tiểu học          | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng         | Phòng hành chính      |
|                 | 3 | [H1-1.6-03] | Học bạ                                | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Nhân viên học vụ    | Phòng hành chính      |

|  |   |             |                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                       |                                         |                                      |
|--|---|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------|
|  | 4 | [H1-1.6-04] | Sổ họp hội đồng sư phạm                                                                                                                                                                                                        | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng                             | Phòng<br>hiệu trưởng                 |
|  | 5 | [H1-1.6-05] | Phần mềm quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên; phần mềm TEMIS; cơ sở dữ liệu ngành; phần mềm IMAS 2018 quản lý tài chính, quản lý tài sản nhà nước; phần mềm báo cáo thuế, báo cáo bảo hiểm xã hội; phần mềm thu tiền học sinh | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Nhân viên kế toán, nhân viên học vụ     | Phòng<br>tài vụ, phòng<br>hành chính |
|  | 6 | [H1-1.6-06] | Sổ quản lý tài sản                                                                                                                                                                                                             | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Kế toán                                 | Phòng<br>tài vụ                      |
|  | 7 | [H1-1.6-07] | Biên bản thanh lý tài sản                                                                                                                                                                                                      | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Trưởng ban<br>ban thanh tra<br>nhân dân | Phòng<br>tài vụ                      |
|  | 8 | [H1-1.6-08] | Sổ quản lý các văn bản, công văn                                                                                                                                                                                               | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Nhân viên<br>văn thư                    | Phòng<br>hành chính                  |

|  |    |             |                                            |                                                                                                       |                                                                               |                             |
|--|----|-------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
|  | 9  | [H1-1.6-09] | Sổ khen thưởng                             | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Phó<br>hiệu trưởng                                                            | Phòng<br>phó<br>hiệu trưởng |
|  | 10 | [H1-1.6-10] | Báo cáo tài chính                          | Năm 2016, 2017, 2018,<br>2019, 2020                                                                   | Nhân viên<br>kế toán                                                          | Phòng<br>tài vụ             |
|  | 11 | [H1-1.6-11] | Báo cáo cơ sở vật chất                     | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Nhân viên<br>kế toán                                                          | Phòng<br>tài vụ             |
|  | 12 | [H1-1.6-12] | Biên bản tự kiểm tra tài chính,<br>tài sản | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Nhân viên<br>kế toán                                                          | Phòng<br>tài vụ             |
|  | 13 | [H1-1.6-13] | Biên bản kiểm tra các bộ phận              | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Ban kiểm tra<br>nội bộ                                                        | Phòng<br>hiệu trưởng        |
|  | 14 | [H1-1.6-14] | Biên bản kiểm tra tài chính, tài<br>sản    | Năm 2016, 2017, 2018,<br>2019, 2020                                                                   | Phòng Tài<br>chính, Phòng<br>Giáo dục và<br>Đào tạo<br>(thành phố<br>Thủ Đức) | Phòng<br>tài vụ             |

|  |    |             |                                            |                                                                                                       |                                         |                                         |
|--|----|-------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------|
|  | 15 | [H1-1.6-15] | Quy chế chi tiêu nội bộ                    | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng                             | Phòng<br>tài vụ                         |
|  | 16 | [H1-1.6-16] | Biên bản thanh lý tài sản                  | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Trưởng ban<br>ban thanh tra<br>nhân dân | Trưởng ban<br>ban thanh tra<br>nhân dân |
|  | 17 | [H1-1.6-17] | Phiếu kiểm kê tài sản                      | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Các bộ phận,<br>giáo viên chủ<br>nhiệm  | Trưởng ban<br>ban cơ sở vật<br>chất     |
|  | 18 | [H1-1.6-18] | Hóa đơn mua sắm tài sản                    | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng                             | Phòng<br>tài vụ                         |
|  | 19 | [H1-1.6-19] | Quy chế quản lý và sử dụng tài<br>sản công | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng                             | Phòng<br>hiệu trưởng                    |

|              |    |             |                                                              |                                                                                                       |                   |                       |
|--------------|----|-------------|--------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------------|
|              | 20 | [H1-1.6-20] | Dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán                       | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng       | Phòng tài vụ          |
| Tiêu chí 1.7 | 1  | [H1-1.7-01] | Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng                                  | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng       | Phòng phó hiệu trưởng |
|              | 2  | [H1-1.7-02] | Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên                              | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng       | Phòng phó hiệu trưởng |
|              | 3  | [H1-1.7-03] | Bảng lương của toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Nhân viên kế toán | Phòng tài vụ          |
|              | 4  | [H1-1.7-04] | Hợp đồng bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn                     | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng       | Phòng hiệu trưởng     |

|  |   |             |                                                                                                                          |                                                                                                       |             |                                                                                  |
|--|---|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|
|  | 5 | [H1-1.7-05] | Hợp đồng khám sức khỏe cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên                                                              | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng hiệu trưởng                                                                |
|  | 6 | [H1-1.7-06] | Tờ trình xin phép cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đi tham quan, nghỉ hè hàng năm; hình ảnh các chuyến tham quan | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng hành chính;<br><a href="https://bit.ly/33fkvTV">https://bit.ly/33fkvTV</a> |
|  | 7 | [H1-1.7-07] | Kế hoạch tổ chức Hội thi Giáo viên chủ nhiệm lớp cấp trường                                                              | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng phó hiệu trưởng                                                            |
|  | 8 | [H1-1.7-08] | Kế hoạch tổ chức Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp trường                                                                   | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng phó hiệu trưởng                                                            |
|  | 9 | [H1-1.7-09] | Kế hoạch tổ chức Tiết dạy tốt chào mừng 20/11                                                                            | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng | Phòng phó hiệu trưởng                                                            |



|              |    |             |                                                                          |                                                                                                       |                 |                       |
|--------------|----|-------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------|
|              | 10 | [H1-1.7-10] | Kế hoạch tổ chức Hội thi tự làm đồ dùng dạy học cấp trường               | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng     | Phòng phó hiệu trưởng |
|              | 11 | [H1-1.7-11] | Kế hoạch tổ chức Hội thi Viết chữ đẹp cấp trường                         | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng     | Phòng phó hiệu trưởng |
|              | 12 | [H1-1.7-12] | Kế hoạch tổ chức Hội diễn văn nghệ                                       | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng     | Phòng phó hiệu trưởng |
| Tiêu chí 1.8 | 1  | [H1-1.8-01] | Kế hoạch chuyên môn (kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục) | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Phó hiệu trưởng | Phòng phó hiệu trưởng |
|              | 2  | [H1-1.8-02] | Báo cáo tháng (ngày 25 hằng tháng)                                       | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Phó hiệu trưởng | Phòng phó hiệu trưởng |

|              |   |             |                                                  |                                                                                                       |                 |                                                           |
|--------------|---|-------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------------------------------------------|
|              | 3 | [H1-1.8-03] | Kế hoạch tổ chức kiểm tra định kỳ                | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng     | Phòng phó hiệu trưởng                                     |
|              | 4 | [H1-1.8-04] | Bảng tổng hợp kết quả giáo dục                   | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Phó hiệu trưởng | Phòng phó hiệu trưởng                                     |
| Tiêu chí 1.9 | 1 | [H1-1.9-01] | Văn kiện Hội nghị công chức, viên chức           | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng     | Phòng hành chính                                          |
|              | 2 | [H1-1.9-02] | Báo cáo thực hiện công tác quy chế dân chủ cơ sở | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng     | Phòng hành chính                                          |
|              | 3 | [H1-1.9-03] | 3 công khai                                      | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng     | <a href="https://bit.ly/3fkvTV">https://bit.ly/3fkvTV</a> |

|                  |   |              |                                                               |                                                                                                       |                   |                   |
|------------------|---|--------------|---------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Tiêu chí<br>1.10 | 1 | [H1-1.10-01] | Kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự trường học                   | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng       | Phòng hành chính  |
|                  | 2 | [H1-1.10-02] | Kế hoạch phòng chống tai nạn, thương tích, bạo lực học đường  | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng       | Phòng hành chính  |
|                  | 3 | [H1-1.10-03] | Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh COVID-19                      | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021                                                                | Hiệu trưởng       | Phòng hành chính  |
|                  | 4 | [H1-1.10-04] | Giấy chứng nhận bếp ăn bán trú đủ điều kiện an toàn thực phẩm | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng       | Phòng hiệu trưởng |
|                  | 5 | [H1-1.10-05] | Hình ảnh hộp thư góp ý, lịch tiếp dân của cán bộ quản lý      | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021                                                                | Nhân viên văn thư | Phòng hành chính  |
|                  | 6 | [H1-1.10-06] | Kế hoạch hoạt động y tế trường học                            | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Nhân viên y tế    | Phòng y tế        |

|                 |    |              |                                                       |                                                                                                       |                       |                                     |
|-----------------|----|--------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------------------------|
|                 | 7  | [H1-1.10-07] | Hệ thống phòng cháy, chữa cháy                        | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Nhân viên<br>bảo vệ   | Quanh khuôn<br>viên trường          |
|                 | 8  | [H1-1.10-08] | Kế hoạch vận hành thang máy;<br>các phiếu bảo trì     | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Nhân viên<br>bảo vệ   | Trưởng ban<br>ban cơ sở vật<br>chất |
|                 | 9  | [H1-1.10-09] | Kế hoạch hoạt động giáo dục<br>ngoài giờ lên lớp      | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng           | Phó<br>Hiệu trưởng                  |
|                 | 10 | [H1-1.10-10] | Sổ giáo dục học sinh                                  | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Tổng phụ<br>trách Đội | Phòng<br>đoàn thể                   |
| Tiêu chí<br>2.1 | 1  | [H2-2.1-01]  | Hồ sơ công chức của Hiệu<br>trưởng Trần Thị Ngọc Diễm | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Nhân viên<br>văn thư  | Phòng<br>hành chính                 |

|                 |   |             |                                                           |                                                                                                       |                      |                          |
|-----------------|---|-------------|-----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|--------------------------|
|                 | 2 | [H2-2.1-02] | Hồ sơ viên chức của Phó Hiệu trưởng Nguyễn Hoàng Phong    | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Nhân viên<br>văn thư | Phòng<br>hành chính      |
|                 | 3 | [H2-2.1-03] | Hồ sơ viên chức của Phó Hiệu trưởng Nguyễn Đăng Quỳnh Như | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Nhân viên<br>văn thư | Phòng<br>hành chính      |
|                 | 4 | [H2-2.1-04] | Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên của cán bộ quản lý        | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Cán bộ<br>quản lý    | Phòng phó<br>hiệu trưởng |
|                 | 5 | [H2-2.1-05] | Biên bản bỏ phiếu tín nhiệm cuối năm học                  | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng          | Phòng<br>hiệu trưởng     |
| Tiêu chí<br>2.2 | 1 | [H2-2.2-01] | Bảng thống kê cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên        | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Nhân viên<br>văn thư | Phòng<br>hành chính      |

|                 |   |             |                                                    |                                                                                                       |                      |                                                             |
|-----------------|---|-------------|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-------------------------------------------------------------|
|                 | 2 | [H2-2.2-02] | Hồ sơ viên chức của giáo viên                      | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Nhân viên<br>văn thư | Phòng<br>hành chính                                         |
| Tiêu chí<br>2.3 | 1 | [H2-2.3-01] | Biên bản kiểm tra nội bộ                           | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng          | Phòng<br>hiệu trưởng                                        |
|                 | 2 | [H2-2.3-02] | Hồ sơ viên chức của nhân viên                      | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Nhân viên<br>văn thư | Phòng<br>hành chính                                         |
| Tiêu chí<br>2.4 | 1 | [H2-2.4-01] | Hồ sơ tuyển sinh lớp 1                             | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Nhân viên<br>học vụ  | Phòng<br>hành chính                                         |
|                 | 2 | [H2-2.4-02] | Hình ảnh tuyên dương gương<br>Người tốt - Việc tốt | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Phó<br>hiệu trưởng   | <a href="https://bit.ly/33fkvTV">https://bit.ly/33fkvTV</a> |

|              |   |             |                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                       |                    |                                                             |
|--------------|---|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------------------|
|              | 3 | [H2-2.4-03] | Danh sách Cháu ngoan Bác Hồ                                                                                                                                                                                                                        | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Tổng phụ trách Đội | Phòng đoàn thể                                              |
|              |   | [H2-2.4-04] | Hình ảnh cán bộ quản lý cùng tọa đàm gặp gỡ học sinh; tuyên truyền Quyền trẻ em                                                                                                                                                                    | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Tổng phụ trách Đội | <a href="https://bit.ly/33fkvTV">https://bit.ly/33fkvTV</a> |
|              | 4 | [H2-2.4-05] | Hình ảnh khen thưởng các phong trào (học sinh)                                                                                                                                                                                                     | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Phó hiệu trưởng    | <a href="https://bit.ly/33fkvTV">https://bit.ly/33fkvTV</a> |
|              | 5 | [H2-2.4-06] | Kế hoạch số 05/KH-GOT ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Trường Tiểu học Giồng Ông Tố về thực hiện Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định quy tắc ứng xử trong nhà trường kể từ năm học 2020-2021 | Năm học 2020-2021                                                                                     | Hiệu trưởng        | Phòng hành chính                                            |
| Tiêu chí 3.1 | 1 | [H3-3.1-01] | Sổ đồ diện tích đất                                                                                                                                                                                                                                | Năm 2009                                                                                              | Hiệu trưởng        | Phòng hiệu trưởng                                           |

|              |   |             |                                       |                                                                                                       |                   |                                                             |
|--------------|---|-------------|---------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------------------------------------------------|
|              | 2 | [H3-3.1-02] | Hình ảnh khuôn viên nhà trường        | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Phó hiệu trưởng   | <a href="https://bit.ly/33fkvTV">https://bit.ly/33fkvTV</a> |
| Tiêu chí 3.2 | 1 | [H3-3.2-01] | Sơ đồ phân bố lớp của nhà trường      | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Phó hiệu trưởng   | Phòng phó hiệu trưởng                                       |
|              | 2 | [H3-3.2-02] | Hình ảnh cơ sở vật chất toàn trường   | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Phó hiệu trưởng   | <a href="https://bit.ly/33fkvTV">https://bit.ly/33fkvTV</a> |
|              | 3 | [H3-3.2-03] | Báo cáo cơ sở vật chất của nhà trường | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Nhân viên kế toán | Phòng tài vụ                                                |
| Tiêu chí 3.4 | 1 | [H3-3.4-01] | Bản vẽ hệ thống thoát nước            | Năm 2009                                                                                              | Hiệu trưởng       | Phòng hiệu trưởng                                           |
|              | 2 | [H3-3.4-02] | Hợp đồng nước sinh hoạt               | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng       | Phòng hiệu trưởng                                           |



|                 |   |             |                                      |                                                                                                       |                       |                      |
|-----------------|---|-------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|
|                 | 3 | [H3-3.4-03] | Hợp đồng nước uống I-on Life         | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng           | Phòng<br>hiệu trưởng |
|                 | 4 | [H3-3.4-04] | Hợp đồng thu gom rác                 | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng           | Phòng<br>hiệu trưởng |
| Tiêu chí<br>3.5 | 1 | [H3-3.5-01] | Báo cáo công tác thiết bị trường học | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Nhân viên<br>Thiết bị | Phòng<br>thiết bị    |
|                 | 2 | [H3-3.5-02] | Hợp đồng thuê mạng Internet          | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng           | Phòng<br>hiệu trưởng |
|                 | 3 | [H3-3.5-03] | Hóa đơn mua sắm thiết bị dạy học     | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Nhân viên<br>kế toán  | Phòng tài vụ         |

|                 |   |             |                                         |                                                                                                       |                       |                   |
|-----------------|---|-------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------|
|                 | 4 | [H3-3.5-04] | Sổ mượn đồ dùng dạy học                 | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Nhân viên<br>thiết bị | Phòng<br>thiết bị |
| Tiêu chí<br>3.6 | 1 | [H3-3.6-01] | Báo cáo tổng kết hoạt động của thư viện | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Nhân viên<br>thư viện | Phòng<br>thư viện |
|                 | 2 | [H3-3.6-02] | Hóa đơn mua báo, tạp chí                | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Nhân viên<br>kế toán  | Phòng tài vụ      |
|                 | 3 | [H3-3.6-03] | Kế hoạch hoạt động thư viện             | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Nhân viên<br>thư viện | Phòng<br>thư viện |
|                 | 4 | [H3-3.6-04] | Hóa đơn mua sách, các xuất bản phẩm     | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Nhân viên<br>kế toán  | Phòng tài vụ      |

|              |   |             |                                                |                                                                                                       |                                             |                                                                                                                                                            |
|--------------|---|-------------|------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|              | 5 | [H3-3.6-05] | Quyết định công nhận thư viện xuất sắc         | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức | Phòng thư viện                                                                                                                                             |
| Tiêu chí 4.1 | 1 | [H4-4.1-01] | Danh sách Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Nhân viên văn thư                           | Phòng hành chính                                                                                                                                           |
|              | 2 | [H4-4.1-02] | Văn kiện Đại hội cha mẹ học sinh               | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Nhân viên văn thư                           | Phòng hiệu trưởng                                                                                                                                          |
|              | 3 | [H4-4.1-03] | Biên bản họp cha mẹ học sinh (của các lớp)     | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng                                 | Phòng hiệu trưởng                                                                                                                                          |
|              | 3 | [H4-4.1-04] | Hình ảnh trao học bổng, quà tết                | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Phó hiệu trưởng                             | <a href="https://thgiongon.to.hcm.edu.vn/hcm/thgiongon.to.html?qi=87_117202">https://thgiongon.to.hcm.edu.vn/hcm/thgiongon.to.html?qi=87_117202</a><br>174 |

|                 |   |             |                                                                |                                                                                                       |                       |                                                                                                                                                           |
|-----------------|---|-------------|----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tiêu chí<br>4.2 | 1 | [H4-4.2-01] | Sổ ủng hộ, xã hội hóa các công trình                           | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng           | Phòng<br>hiệu trưởng                                                                                                                                      |
|                 | 2 | [H4-4.2-02] | Hình ảnh chăm sóc đền tưởng niệm, thăm Bà mẹ Việt Nam Anh hùng | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Tổng phụ<br>trách Đội | <a href="https://thgiongoncto.hcm.edu.vn/hcm/thgiongoncto.html?qi=87_117202174">https://thgiongoncto.hcm.edu.vn/hcm/thgiongoncto.html?qi=87_117202174</a> |
|                 | 3 | [H4-4.2-03] | Hình ảnh các hội diễn văn nghệ, câu lạc bộ                     | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Phó<br>hiệu trưởng    | <a href="https://thgiongoncto.hcm.edu.vn/hcm/thgiongoncto.html?qi=87_117202174">https://thgiongoncto.hcm.edu.vn/hcm/thgiongoncto.html?qi=87_117202174</a> |
| Tiêu chí<br>5.1 | 1 | [H5-5.1-01] | Kế hoạch thành lập câu lạc bộ                                  | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng           | Phòng<br>phó hiệu<br>trưởng                                                                                                                               |
|                 | 2 | [H5-5.1-02] | Kế hoạch giáo dục địa phương                                   | Năm học 2020-2021                                                                                     | Phó<br>hiệu trưởng    | Phòng<br>phó hiệu<br>trưởng                                                                                                                               |

|                 |   |             |                                    |                                                                                                       |                    |                             |
|-----------------|---|-------------|------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------------------|
|                 | 3 | [H5-5.1-03] | Kế hoạch sinh hoạt ngoại khóa      | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng        | Phòng<br>phó hiệu<br>trưởng |
| Tiêu chí<br>5.2 | 1 | [H5-5.2-01] | Thời khóa biểu                     | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Phó<br>hiệu trưởng | Phòng<br>phó hiệu<br>trưởng |
|                 | 2 | [H5-5.2-02] | Kế hoạch chuyên môn (tháng)        | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Phó<br>hiệu trưởng | Phòng<br>phó hiệu<br>trưởng |
|                 | 3 | [H5-5.2-03] | Kế hoạch phụ đạo học sinh yếu      | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Phó<br>hiệu trưởng | Phòng<br>phó hiệu<br>trưởng |
|                 | 4 | [H5-5.2-04] | Sổ hợp chuyên môn (của nhà trường) | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Phó<br>hiệu trưởng | Phòng<br>phó hiệu<br>trưởng |

|                 |   |             |                                                   |                                                                                                       |                    |                                                                                                                                                               |
|-----------------|---|-------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tiêu chí<br>5.3 | 1 | [H5-5.3-01] | Hình ảnh sinh hoạt dưới cờ; hoạt động trải nghiệm | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Tổng phụ trách Đội | <a href="https://thgiongonngto.hcm.edu.vn/hcm/thgiongonngto.html?qi=87_117202174">https://thgiongonngto.hcm.edu.vn/hcm/thgiongonngto.html?qi=87_117202174</a> |
|                 | 2 | [H5-5.3-02] | Hình ảnh các hội thao giáo viên, học sinh         | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Phó hiệu trưởng    | <a href="https://thgiongonngto.hcm.edu.vn/hcm/thgiongonngto.html?qi=87_117202174">https://thgiongonngto.hcm.edu.vn/hcm/thgiongonngto.html?qi=87_117202174</a> |
| Tiêu chí<br>5.4 | 1 | [H5-5.4-01] | Kế hoạch tuyển sinh lớp 1                         | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng        | Phòng hành chính                                                                                                                                              |
|                 | 2 | [H5-5.4-02] | Số liệu học sinh trên cơ sở dữ liệu               | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Nhân viên học vụ   | Phòng hành chính                                                                                                                                              |
| Tiêu chí<br>5.5 | 1 | [H5-5.5-01] | Hồ sơ xét duyệt lên lớp, kiểm tra lại             | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Phó hiệu trưởng    | Phòng phó hiệu trưởng                                                                                                                                         |

|  |   |             |                                                      |                                                                                                       |                  |                  |
|--|---|-------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|
|  | 2 | [H5-5.5-02] | Danh sách học sinh khuyết tật học hòa nhập           | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Nhân viên học vụ | Phòng hành chính |
|  | 3 | [H5-5.5-03] | Quyết định học sinh hoàn thành chương trình tiểu học | Năm học 2016-2017<br>Năm học 2017-2018<br>Năm học 2018-2019<br>Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021 | Hiệu trưởng      | Phòng hành chính |